TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 536 TB/VNECO-TCKT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho năm tài chính 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: https://www.vneco.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VNECO;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
DN: C=VN, S=ĐÀ NẴNG, L=Hải Châu, CN=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0400101450
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.04.21 15:39:14+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

VNECO

TCT CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

vneco.com.vn

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
Phần 1: Thông tin chung	4
Phần 2: Tình hình hoạt động trong năm	34
Phần 3: Báo cáo tác động môi trường xã hội	54
Phần 4: Báo cáo Ban Giám đốc	63
Phần 5: Báo cáo Hội đồng Quản trị	75
Phần 6: Quản trị công ty	79
Phần 7: Báo cáo tài chính	93

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng!

Kính thưa toàn thể CBCNV Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)!

Năm 2022, đan xen thuận lợi là không ít khó khăn với những diễn biến khó lường, tuy nhiên với tinh thần đoàn kết của một tập thể vững mạnh, VNECO đã chủ động vượt qua khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao; Đã hoàn thành cơ bản giai đoạn đầu thực hiện tái cấu trúc hệ thống từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên.

Nhìn chung tình hình hoạt động của VNECO trong năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh chưa thật sự tốt. Nguyên nhân chủ yếu trong thời gian qua do tình trạng khó khăn chung của ngành xây dựng và bất động sản, mà với VNECO trong giai đoạn hiện nay thì lĩnh vực xây dựng là cốt lõi.

Bước sang năm 2023, mặc dù chặng đường phía trước còn rất nhiều khó khăn và thách thức nhưng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng: Với định hướng đúng đắn của Tổng Công ty; với sự hỗ trợ đồng hành của các Cổ đông lớn; với niềm tin, trí tuệ sáng tạo và truyền thống đoàn kết của CBNV, chúng ta sẽ vượt quá thử thách để gặt hái thành công trong năm 2023.

Năm 2023, Tổng Công ty sẽ triển khai mạnh mẽ giai đoạn 2 tái cấu trúc hệ thống từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên, xây dựng vững chắc vị thế thương hiệu VNECO trên thị trường Xây lắp điện Việt Nam, tăng cường mở rộng thị trường quốc tế thông qua hiện thực hóa chiến lược, thông qua đàm phán, hợp tác với các tập đoàn lớn trong và ngoài nước...

Hiện thực hóa lợi ích cổ đông, người lao động và doanh nghiệp.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác và đồng nghiệp sức khỏe và thịnh vượng!

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN ANH TUẤN

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị	5
Giới thiệu	6
Quá trình hình thành phát triển	8
Ngành nghề địa bàn kinh doanh	10
Mô hình hoạt động	22
Sơ đồ tổ chức, công ty con, liên kết	24
Định hướng phát triển	28
Rủi ro	30

TẦM NHÌN

◊ VNECO mong muốn trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

◊ Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam.
◊ Mang điện đến mọi miền đất nước.
◊ Phát triển năng lượng xanh.
◊ Góp phần phát triển kinh tế quốc gia.
◊ Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
◊ Nâng cao giá trị cho cổ đông.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

◊ Giá trị văn hoá của toàn thể cán bộ công nhân viên VNECO
◊ Đổi mới: Tinh thần học hỏi, luôn cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc.
◊ Đồng đội: Tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác, đồng tâm hiệp lực cùng hướng tới mục tiêu chung.
◊ Cống hiến: Tinh thần thể hiện bản thân, đóng góp cho xã hội, cộng đồng thông qua công việc.
◊ Giá trị văn hoá của cấp Quản lý
◊ Khát vọng: Luôn có mục tiêu và hành động với niềm đam mê.
◊ Chính trực: Nền tảng để ra quyết định đúng đắn, không vì lợi ích cá nhân.
◊ Trí - Tín: Trí tuệ, sáng suốt, khả năng nhìn xa, tính quyết đoán và coi trọng uy tín.

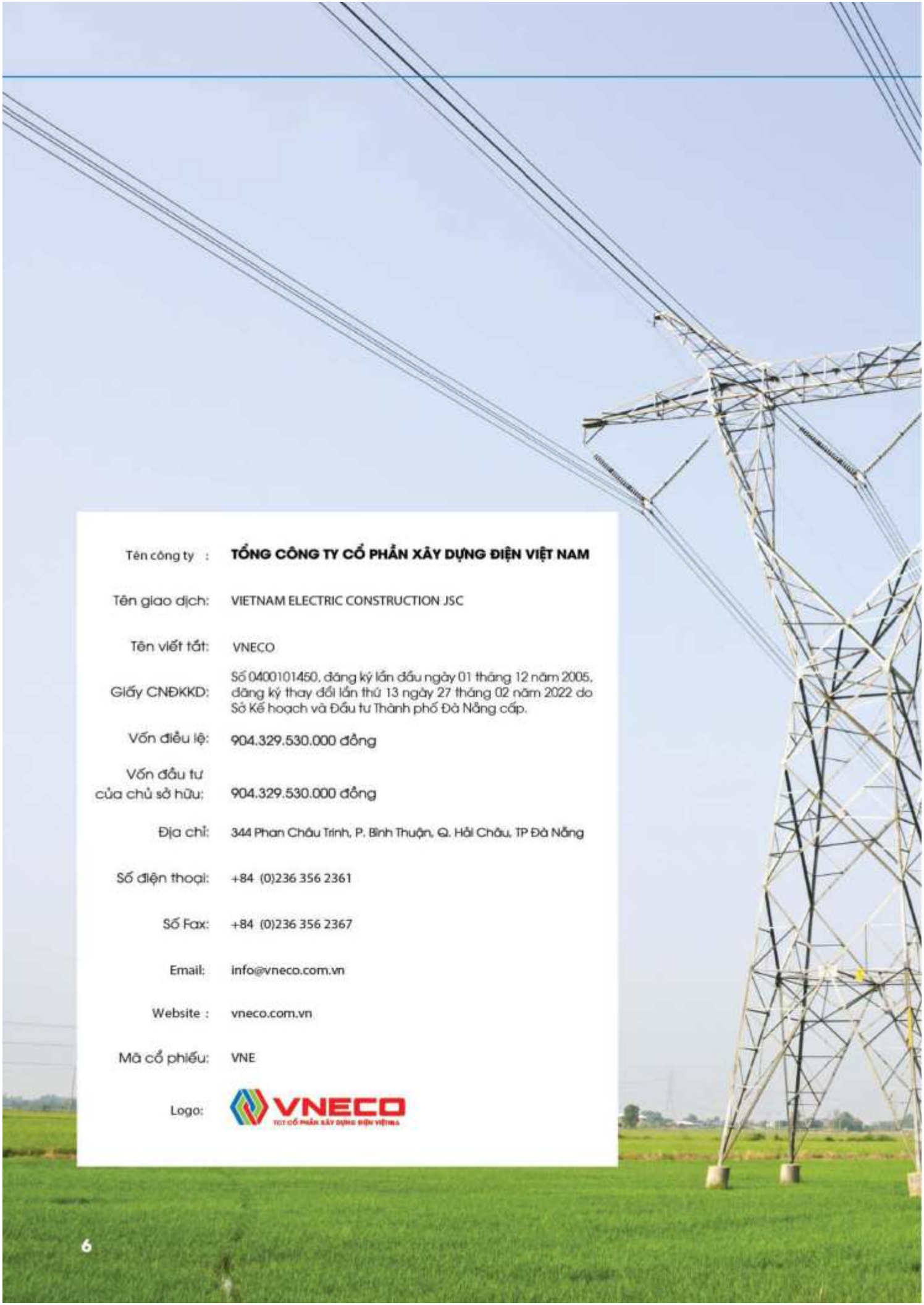

Tên công ty :	**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**
Tên giao dịch:	VIETNAM ELECTRIC CONSTRUCTION JSC
Tên viết tắt:	VNECO
Giấy CNĐKKD:	Số 0400101450, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.
Vốn điều lệ:	904.329.530.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	904.329.530.000 đồng
Địa chỉ:	344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
Số điện thoại:	+84 (0)236 356 2361
Số Fax:	+84 (0)236 356 2367
Email:	info@vneco.com.vn
Website :	vneco.com.vn
Mã cổ phiếu:	VNE
Logo:	VNECO

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1988

Ngày 22/02/1988 Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5

1994

Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

1997

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc - Nam
Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly - Pleiku

1998

Trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Công ng hiệp Việt Nam, Vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng

2001

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn/năm đi vào hoạt động

2002

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công ng hiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng

2004

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại TP Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm. Cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm
KS Xanh Nha Trang, KS Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao đi vào hoạt động
Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kM.

2005

Cổ phần hóa, chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện

2007

Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng
Niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

2010

SCIC chuyển nhượng toàn bộ 18,9 triệu cổ phiếu VNE cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân
Tăng vốn điều lệ từ 637 tỷ đồng lên 823 tỷ đồng
Thoái vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO 6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO

2015

Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng

2016

Tăng vốn điều lệ từ 823 tỷ lên 904 tỷ đồng

2017

Tổng Công ty thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
Thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết: Công ty TNHH Quản lý dự án CORE ASIA

2018

Ngoài ngành nghề xây lắp điện truyền thống, VNECO tham gia làm Tổng thầu EPC, PC xây lắp các nhà máy điện mặt trời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại. Thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long và Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7

2020

Tổng Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
Thoái vốn đầu tư tại Công ty con: Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO

2021 Hoàn thành dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong 1 với tổng mức đầu tư hơn 1.250 tỷ đồng, COD 5/8 Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw).

2022 Thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chính

Trải qua hơn 30 năm hình thành phát triển, VNECO hiện nay tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, bất động sản du lịch và đầu tư dự án nguồn điện.

Thi công xây lắp công trình điện

Thi công xây lắp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. VNECO đã thực hiện thi công xây lắp hơn hàng chục nghìn km đường dây từ 110kV, 220kV đến 500kV, nhiều trạm biến áp 220kV, 500kV cùng nhiều công trình truyền tải điện đường dây khác.

Thế mạnh của VNECO là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng máy móc thiết bị hiện đại cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500kV.

Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, VNECO đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia, đã và đang thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện.

Danh mục các công trình đã thi công

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
I	**Đường dây 500kV**		
1	Đz 500 kV Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	Đz 500kV Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	Đz 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001- 2006
4	Đz 500Kv Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11.483	2001- 2006
5	Đz 500Kv Pleiku- Dốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001- 2006
6	Đz 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152,01	2001- 2006
7	Đz 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001- 2006
8	Đz 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23,96	2007- 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012-2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012-2014
12	Đz 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây	35,2	2010-2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Mây	29,57	2009-2013
15	Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013-2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014-2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29,45	2014-2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5,4	2014-2016
20	TBA 500kV Pleiku 2	3.453	2015-2016
21	Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên	5,3	2015-2017
22	Đz 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	33,7	2015-2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa	17,08	2016-2018
25	TBA 500kV Đức Hòa	300MVA	2017-2021
26	Đz 500kV Đấu nối NMNĐ Thăng Long	4,37	2016-2017
27	Đz 500/ 220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2	8,01	2016-2017
28	Đz 500kV đấu nối NMĐ Nghi Sơn 2 vào Hệ thống điện QG	11,42	2018-2020
29	Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (03 lộ)	100,41	2018-2020
30	Đz 500kV Chơn Thành - Đức Hoà (lô 5.3)	5,3	2020-2021
31	Đz 500kV Vĩnh Tân - Vân Phong (gói 11)	22,1	2021-2022
32	TBA 500kV Thốt Nốt (gói 5)	250MVA	2021-2023
33	Đz 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam vào Đz 500kV Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân (G9)	1.5	2022-2023

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
II	**Đường dây 200kV**		
1	Đz 220kV Vinh - Đồng Hới	214	
2	Đz 220kV Quy Nhơn - Pleiku	76	
3	Đz 220kV Pleiku - KrôngBúk	102.4	
4	Đz 220kV KrôngBúk - Nha Trang	147	
5	Đz 220kV Đà Nẵng - Hoà Khánh	13,3	
6	Đz 220kV Hàm Thuận - Bảo Lộc	28	
7	Đz 220kV Ninh Bình - Thanh Hoá	28.415	
8	Đz 220kV Hoà Khánh - Huế	82,17	
9	Đz 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7,34	
10	Đz 220kV Rạch Giá - Bạc Liêu	50	
11	Đz 220kV Đa Nhim - Nha Trang	113.33	
12	Đz 220kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi	104.6	
13	Đz 220kV Đa Nhim - Long Bình	6,44	
14	Đz 220kV Cà Mau - Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29.702	
15	Đz 220kV Thốt Nốt - Châu Đốc-Tịnh Biên	96.198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức - Long Bình	5.232	
17	Đz 220 kV Thanh Thuỷ - Hà Giang - Tuyên Quang	35	
18	Đz 220kV Tuyên Quang - Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38,82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29,41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35,46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46,85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32,76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45,7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mây	8,2	2011-2014
27	Đz 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phú Mỹ 2	46.67	2013-2016
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày	1,8	2014-2015
30	Đz 220kV Vân Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17,8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26,8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25.776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13,39	2014-2016

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.1	33.988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.2	40,45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2,3	2014-2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4,1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14,2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15.394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên	4,7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2,7	2016-2017
45	Đz 220kV Thái Bình-Tiền Hải-Trực Ninh	8,01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9,75	2016-2017
47	Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Đức Hòa	8,7	2018-2019
48	Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối	22,1	2019-2020
49	Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (gói 15)	19,5	2020-2021
50	Đz 220kV KrôngBuk - Nha Trang	149	2020-2021
51	Đz 220kV đấu nối TBA Long Thành	4,6	2020-2021
52	Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (gói 2)	16,2	2021-2022
53	Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (gói 4)	11,9	2021-2022
54	Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 5)	40,7	2022-2023
55	Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 6)	35	2022-2023
56	Đz220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 9)	53	2022-2023
57	Đz220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 10)	41	2022-2023
58	Đz 220kV Nậm Sung - Nông Cống (gói 14)	32,9	2022-2023
59	Đz 220kV đấu nối cụm NMĐZ Cà Mau 1 vào HT điện Quốc gia	30	2022-2023
60	Gói thầu số 11: Xây lắp đường dây đấu nối thuộc dự án: Trạm biến áp 500kV Vĩnh Yên và đường dây đấu nối	3,4	2022-2023
61	Đz 110, 229kV Phía Tây Hà Tĩnh	2,7	2022-2023
62	Đz đấu nối TBA 110kV Bến Lức	16	2022-2023
III	**Đường dây dưới 220kV**		
1	TBA 220kV/110kV Vĩnh Tường và các đường dây đấu nối 220kV, 110kV	12,605	2016-2017
2	TBA 110kV Hòa Xuân và nhánh rẽ	1,94	2016-2017
3	Nâng cấp đường dây 110kV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch (từ trụ số 10 đến trụ số 32) cấp điện cho TBA 110kV Hyosung	6,677	2016-2017
4	Nâng cao năng lực truyền tải Đz 110kV Lô 172 TBA 220kV Ninh Bình-Trình Xuyên	10,7	2016-2017
5	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Sơn Tây	11,82	2016-2018
6	ĐDK 110kV Hà Đông - Sơn Tây (173E1.4 đi 172E1.7)	38,226	2016-2019
7	Đz 110kV Nam Sài Gòn-Nam Sài Gòn, giai đoạn 2	3,782	2016-2019

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
8	Đz 220-110kV Cầu Bông-Bình Tân từ G19 đến TBA 500kV Cầu Bông	3,613	2017-2018
9	Đz 110kV 173 Trảng Bàng 2-177 Đức Hòa 2; 174 Trảng Bàng 2-171 Đức Huệ; 172 Đức Huệ-178 Đức Hòa 2 (Phân pha dây dẫn)	8,763	2017-2018
10	Đz 110kV 174 Phan Thiết-172 Phan Rí (Phân pha dây dẫn)	14,3	2017-2018
11	Đấu nối 110kV sau TBA 220kV Phong Điền	5,7	2018-2018
12	Nâng cấp ĐZ 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi-Đức Phổ-Tam Quan	28,02	2018-2018
13	Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	34,076	2018-2018
14	Treo dây mạch 2 ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	14,832	2018-2019
15	Đz 110kV Quy Nhơn - Sông Cầu (đoạn Phú Yên)	30	2019-2020
16	Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 2)	38	2020-2021
17	Đz 110kV Tam Kỳ - Tam Thăng (mạch 2)	15	2021-2022
IV	**Trạm biến áp 220kV**		
1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125	
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63	
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63	
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63	
5	Trạm biến áp 220kV KrôngBúk	63	
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123	
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125	
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125	
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125	
10	Trạm biến áp 220kV Dốc Sỏi	63	
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125	
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125	
13	Trạm biến áp 220kV Long Xuyên 2 & Đz đấu nối	250MVA	2016-2017
14	Trạm biến áp 220kV Đô Lương	250MVA	2017-2018
15	Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ	250MVA	2017-2018
16	Trạm biến áp 220kV Tam Phước	250MVA	2020-2021
17	Trạm biến áp 220kV Bá Thiện (gói 11) Trạm biến áp 220kV & MRNL đấu nối cụm	250MVA	2021-2022
18	TBA GIS 220kV NMĐG Cà Mau 1	250MVA	2021-2022

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
V	Trạm biến áp 110kV		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50	
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16	
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25	
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16	
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5	
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16	
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25	
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40	
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25	
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phó	16	
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25	
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25	
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25	
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25	
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25	
16	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Long (MR)	25	
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25	
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25	
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25	
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25	
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25	
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40	
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25	
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40	
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40	
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25	
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40	

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25	
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25	
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25	
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25	
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25	
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16	
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thuỷ & nhánh rẽ	25	
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25	
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25	
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25	
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25	
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25	
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA	
43	Đz & TBA 110kV Liễu Đề	40MVA	
44	Trạm biến áp 110kV Bảo Ninh và Đz đấu nối	40MVA	
VI	Các công trình thủy điện		
1	Nhà máy Thủy điện Khe Diên	9MW	2003-2007
2	Nhà máy Thủy điện Krông-H'Năng	64MW	2005-2008
3	Nhà máy Thủy điện Hối Xuân		
VII	Các công trình năng lượng tái tạo		
1	Nhà máy Điện mặt trời CưJut - Buôn Ma Thuột	50MWp	2018-2019
2	Nhà máy Điện mặt trời Cam Lâm - Khánh Hòa	50MWp	2019-2020
3	Nhà máy Điện mặt trời HaCom - Ninh Thuận	50MWp	2019-2020
4	Nhà máy Điện mặt trời Thuận Nam - Đức Long	50MWp	2019-2020

Hơn 1,6 triệu km đường dây 110kV khác và hơn 4.400km đường dây 35kV đã thi công

Sản xuất công nghiệp

Các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm gia công cơ khí, sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống và sản xuất gạch block các loại.

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền công nghệ cao sản xuất trụ điện cột bê tông dự ứng lực, ống cống và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được kiểm định đo lường cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm trên khắp các tỉnh thành đất nước.

Dịch vụ du lịch, bất động sản

Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính, VNECO còn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực du lịch và bất động sản. Mặc dù không phải lĩnh vực kinh doanh chính nhưng cũng đóng góp cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. VNECO hiện đang sở hữu và khai thác Khách sạn Xanh Đà Nẵng:

Số 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: (84)236 3842055

Mail: info@greenhoteldn.com.vn

Website: www.greenhoteldn.com.vn

Khách sạn Xanh Đà Nẵng là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao Quốc Tế với hệ thống lưu trú gồm 84 phòng (49 phòng Deluxe, 4 phòng Suite, 6 phòng Villa, 25 phòng Standard), được thiết kế sang trọng đầy đủ các tiện nghi, dịch vụ bổ sung đảm bảo chất lượng và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; Nhà hàng tiệc cưới Hoa sứ sức chứa 450 khách và nhà hàng Draff Beer. Khách sạn Xanh tọa lạc trên đường Hoàng Văn Thái - Thành phố Đà Nẵng, cách bến xe trung tâm của thành phố chỉ khoảng 5 phút, nằm trên trục đường đi Bà Nà Hills, núi Thần Tài, cách nhà Ga Đà nẵng và sân bay quốc tế Đà Nẵng chỉ 10 phút. Nhà hàng của Khách Sạn Xanh Đà Nẵng có sức chứa từ 200 đến 1000 khách. Phục vụ các món ăn từ phong cách Châu Âu, Á hiện đại mang đến những hương vị đậm bản sắc truyền thống quê hương Việt Nam.

Dịch vụ du lịch, bất động sản

Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Vị trí đầu tư: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Quy mô diện tích: 43,1 ha (trong đó Quỹ đất được giao nhà phố 925 lô, biệt thự 73 lô, đất thương mại dịch vụ: 3 lô)

Đầu tư nguồn điện

VNECO đã thực hiện thi công các nhà máy thủy điện như: Nhà máy thủy điện Hồi xuân, nhà máy thủy điện K'rông H'năng, nhà máy thủy điện Khe Diên,...

Hiện nay, Tổng Công ty tập trung xúc tiến đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong 1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động của VNECO trải rộng khắp cả nước:

- Các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên (Đz 500kV Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (3 gói 9.5, 9.9 và 9.10), Đz 500kV Vĩnh Tân - Vân Phong, TBA 220kV Phù Mỹ, Đz 200kV Di Linh-Bảo Lộc, Đz đấu nối 110kV Nha Trang - Ninh Hoà, Đz đấu nối 110kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan, Đz và TBA 110 Sông Cầu, Đz 220kV Krông Búk - Nha Trang (gói 11, gói 12 và gói 13), Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (gói 2 và gói 4), Đz 110, 220kV Phía Tây Hà Tĩnh, TBA 110kV Bảo Ninh và đấu nối, Đz 110kV & NXT Nhà máy bột giấy VNT19, Đz 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam vào Đz 500kV Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân, Đz 110kV Tam Kỳ - Tam Thăng, Đz & TBA 110kV Lộc Hà, TBA 220kV Phước Thái, CCVT & thi công NXT 220kV tại TBA 220kV Phước Thái, EPC Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong các công trình xây dựng năng lượng tái tạo như Hợp đồng EPC Nhà máy điện mặt trời Điện lực miền Trung (liên doanh với SUMEC), Hợp đồng PC Nhà máy điện mặt trời Thuận Nam - Đức Long tỉnh Ninh Thuận; Nhà máy điện Mặt trời Hacom Solar tỉnh Ninh Thuận; Hợp đồng PC Nhà máy điện mặt trời Hàm kiệm 1...);

- Các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Bắc (Đz 500kV Nghi Sơn 2, Đz & TBA 110kV Tĩnh Gia 2, cải tạo Đz 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông, Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối, Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 1 và mạch 2), TBA 110kV Liễu Đề, Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 5, gói 6), Đz 220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 9 và gói 10), Đz Nậm Sum - Nông Cống (gói 14), Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (gói 15), TBA 220kV Bá Thiện (gói 11), Đz đấu nối vào TBA 500kV Vĩnh Yên; Đz & TBA 110kV Sơn Nam, ...).

- Các công trình xây lắp điện khu vực phía Nam (Đz 500kV Long Phú-Ô Môn, Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa, Đz 500kV Sông Mây-Tân Uyên, Đz 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên, Đz 500kV Đức Hòa - Chơn Thành, Đz đấu nối vào TBA 500kV Long Thành, Đz 220kV Cà Mau 1, TBA 220kV Tam Phước, TBA 500kV Tân Uyên, TBA 500kV Đức Hoà, TBA 500kV Thốt Nốt (gói 5 &6), TBA 220kV Cà Mau, Đz 500kV ô Môn - Thốt Nốt (gói 9), Đz đấu nối vào TBA 220kV Bến Lức...);

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

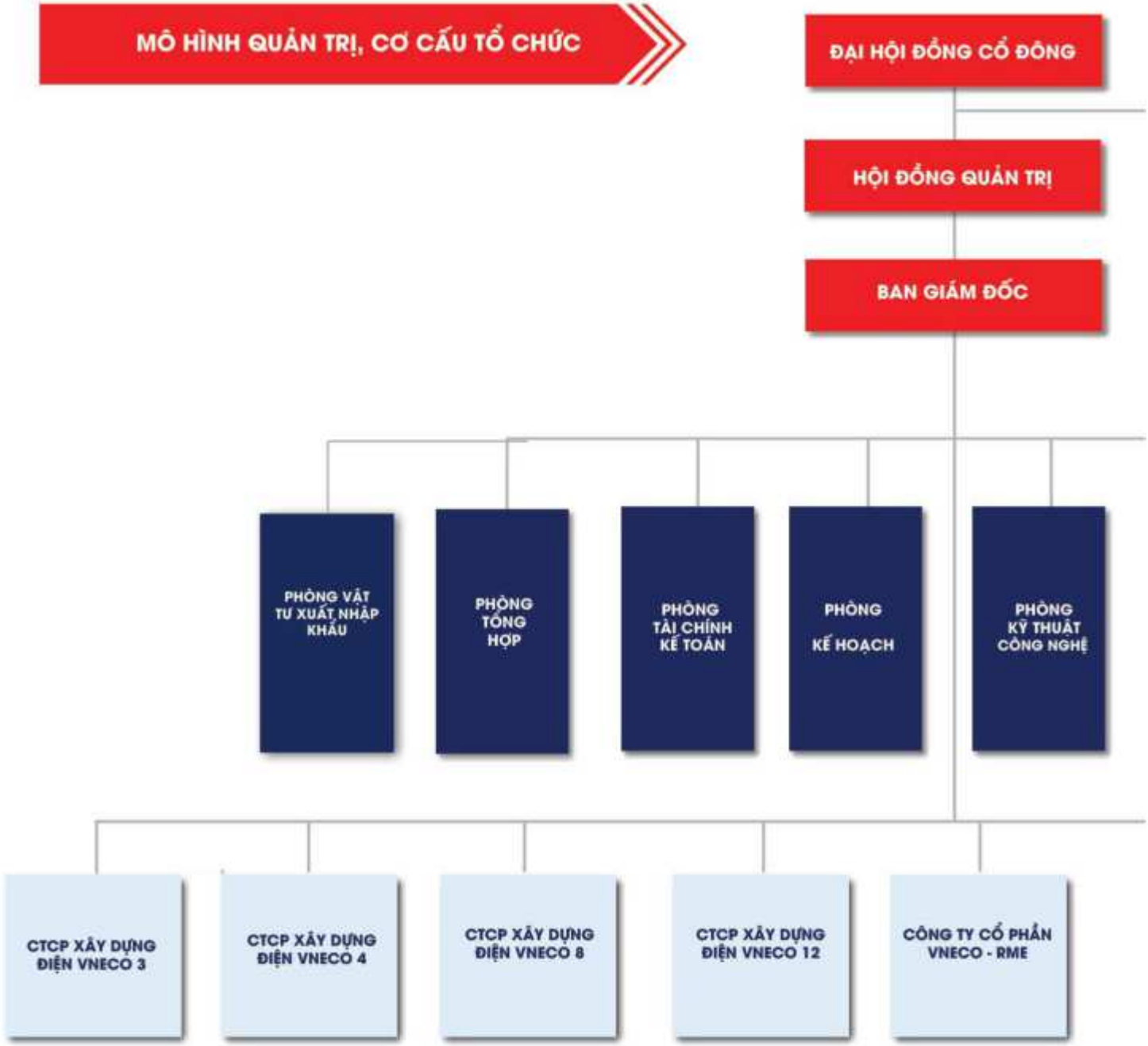

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất tại VNECO. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận , thông qua, bổ sung, sửa đổi Điệu lệ của Tổng công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản trị của VNECO, có toàn quyền nhân dánh VNECO để quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi VNECO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Tổng công ty. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ. Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ VNECO quy định.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: gồm 5 thành viên (nhiệm kỳ 2020-2025)
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, 01 thành viên chuyên trách (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
- Ban Điều hành trong năm 2022 gồm 05 thành viên (01 Tổng giám đốc & 04 Phó Tổng giám đốc); từ ngày 23/02/2023 Ban điều hành hiện tại gồm 04 thành viên (01 Tổng giám đốc & 03 Phó Tổng giám đốc).

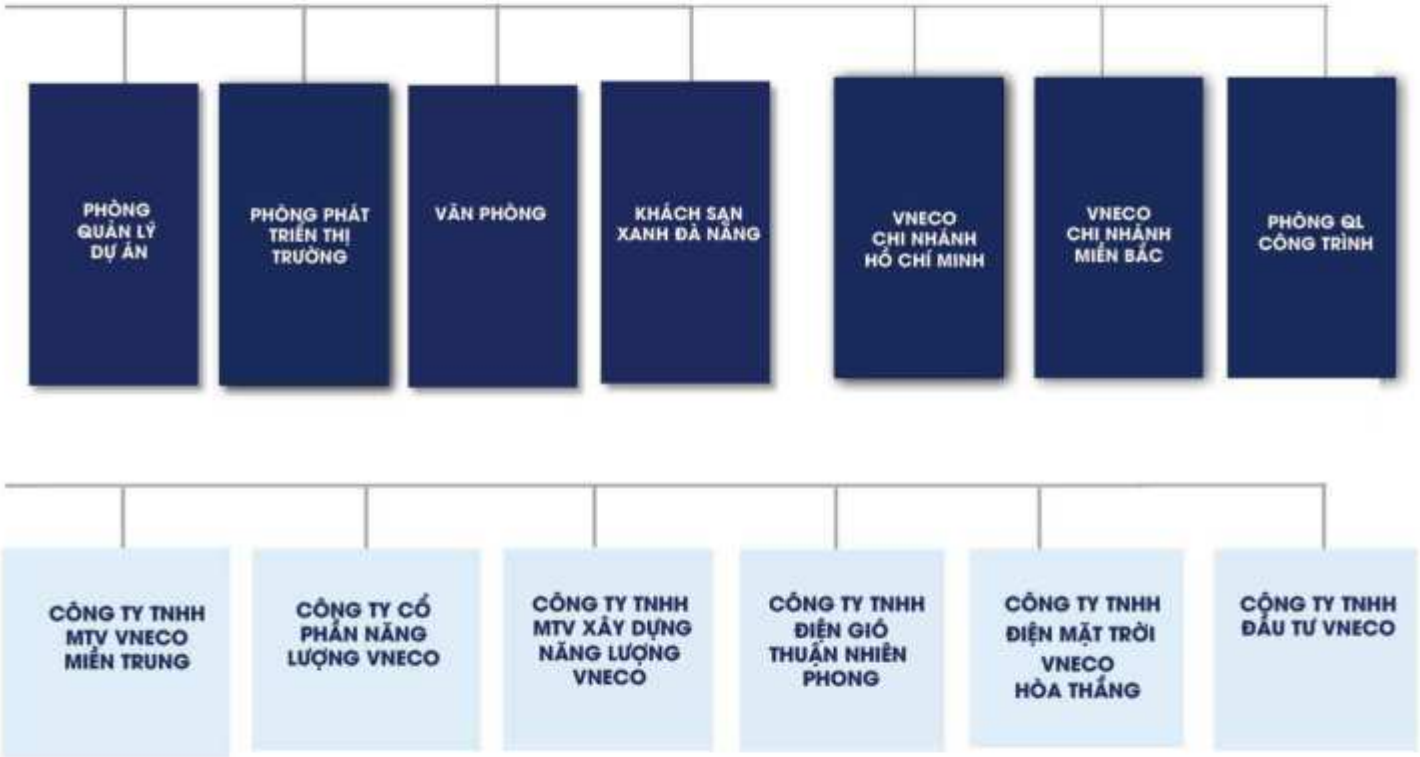

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các nhiệm vụ được giao.

Ban điều hành: Ban điều hành gồm 06 thành viên (01 Tổng giám đốc, 04 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng) do HĐQT bầu ra. Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách ban chỉ đạo công trình khu vực miền Bắc, Trung, Nam, phụ trách công tác đấu thầu

CƠ CẤU TỔ CHÚC CỦA TỔNG CÔNG TY

Văn phòng Tổng Công ty: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc:

- Khách sạn xanh Đà Nẵng: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc: 10A15 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Tp. Vinh, Nghệ An
Vốn điều lệ: 13.197.100.000 đ
Vốn góp của VNECO: 6.985.720.000đ tương đương 52,93% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp. Vinh, Nghệ An
Vốn điều lệ: 10.280.000.000đ
Vốn góp của VNECO: 5.192.580.000đ tương đương 54,73% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰN ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Vốn điều lệ: 18.000.100.000đ
Vốn góp của VNECO: 9.746.980.000đ tương đương 55,93% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ
Vôn góp của VNECO: 7.887.200.000đ tương đương 65,73% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VNECO

Địa chỉ: Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Tỷ lệ ích của Công ty mẹ : 51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ THUẬN NHIÊN PHONG 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Vốn góp của VNECO là 440.000.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - HÒA THẮNG

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Vốn góp của VNECO là 20.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VNECO - RME

Số 99 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn góp của VNECO là 15.000.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VNECO

Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Vốn góp của VNECO là 20.000.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH MTV VNECO - MIỀN TRUNG

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Vốn góp của VNECO là 1.631.184.792 đồng

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG VNECO

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Vốn góp của VNECO là 1.000.000.000 đồng

Theo Nghị quyết số 08 NQ/VNECO-HĐQT ngày 22/03/2022, HĐQT Tổng Công ty đã thống nhất thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2. Phương thức bán: Thỏa thuận và khớp lệnh trên sàn HNX. Lý do thoái vốn: Tổng Công ty thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính. Kể từ ngày 31/03/2022, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty.

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN GÓP	% VỐN ĐIỀU LỆ
	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	4.000.000.000	40,06%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

(1) Xây dựng VNECO trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, thực hiện các hợp đồng EPC cho các công trình điện, thực hiện đầu tư các dự án sản xuất điện năng từ năng lượng tái tạo, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn và du lịch…

(2)- Đầu tư năng lượng: tập trung nguồn lực đầu tư các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, mục tiêu phát triển bền vững công ty gắn với bảo vệ môi trường.

(3)- Sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận công ty, tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

(4)- Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

(5)- Xác định ngành nghề cốt lõi trung và dài hạn vẫn là xây lắp truyền thống. Bên cạnh đó để phát triển bền vững và không độc canh ngành nghề xây lắp, định hướng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phát triển bền vững. Bên cạnh đó quan tâm đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản, du lịch trong từng giai đoạn và từng thời điểm.

(6)- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển bền vững, mạnh mẽ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

◊ - Lĩnh vực xây lắp công trình điện: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống. Áp dụng mô hình quản lý thi công theo Ban chỉ đạo từng vùng miền. Từng bước đưa các kỹ sư kỹ thuật làm chỉ huy trưởng chỉ đạo thi công Kéo dây không chạm đất thay thế toàn bộ thiết bị thi công truyền thống trước đây nhằm rút ngán thời gian thi công, giảm chi phí đền bù, giảm thiểu rủi ro trong quá trình thi cong, giảm thiểu tối đa tác động, môi trường, nâng cao chất lượng công trình và tạo hình ảnh chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây lắp điện Việt Nam

◊ - Lĩnh vực xây lắp năng lượng tái tạo: Tăng cường tiếp cận với các đơn vị tư vấn, thiết kế, chủ đầu tư để nắm thông tin về các dự án năng lượng tái tạo; Phối hợp với các đối tác, nhà thầu lớn có tiềm năng, thực hiện liên doanh, liên kết triển khai các dự án EPC lớn để bổ sung hồ sơ năng lực; Sớm thực hiện hoàn thành thủ tục đo gió cho dự án điện gió Lệ Thủy 3 với công suất 100Mw nhằm hoạch định cơ hội cho các năm tiếp theo.

◊ - Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm tại các đơn vị thành viên. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh từng đơn vị, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

◊ - Lĩnh vực bất động sản: Phát triển và khai thác các dự án bất động sản hiện có; tìm kiếm thêm nhiều dự án BĐS mới đảm bảo hiệu quả cho Doanh nghiệp.

◊ - Lĩnh vực dịch vụ phục vụ công tác lắp dựng Turbine điện gió: Với mục tiêu quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị có năng lực thực hiện Tổng thầu EPC các dự án nhà máy điện gió, vì vậy Tổng Công ty đã đầu tư 2 Cần cẩu 800 tấn và hệ thống cẩu nhỏ khác đi kèm là một trong những mắt xích quan trọng trong chuỗi các hạng mục quyết định sự thành công của chiến lược.

◊ - Lĩnh vực đầu tư nguồn điện: Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời)

◊ - Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp: Thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư hiệu quả thấp song song với việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy hoạt động, giảm chi phí quản lý.

ĐỊNH HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc vốn tại một số công ty con và liên kết kinh doanh không hiệu quả, đồng thời đầu tư nâng tỷ lệ cổ phần tại một số công ty phục vụ cho mục đích phát triển của Tổng Công ty.

Để triển khai thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo thành công và hiệu quả cần chuẩn bị:

- Nguồn nhân lực: Bố trí Phó Tổng giám đốc phụ trách, cán bộ kỹ thuật công nghệ, cán bộ Vật tư Xuất nhập khẩu, bộ phận quản lý dự án, cán bộ tài chính tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án.
- Nguồn lực về tài chính: Bố trí đủ nguồn vốn tự có và vốn vay thương mại để triển khai thực hiện đầu tư, hoàn thành sớm để khai thác dự án.
- Tổ chức thành lập công ty con theo quy định pháp luật hiện hành và bộ máy để triển khai thực hiện từng dự án đầu tư.
- Nghiên cứu liên doanh liên kết với nhà cung cấp sản phẩm pin mặt trời để thực hiện hợp đồng PC (cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời) hoặc EPC (thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời). Thực hiện EPC cho hệ thống điện đường dây và TBA kết nối lưới điện quốc gia của các dự án điện gió và điện mặt trời.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) hướng tới phát triển bền vững, góp phần giải quyết bài toán về an ninh năng lượng qua đó hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước.
- Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- Mở rộng thị trường hoạt động ra các nước láng giềng: Lào, Campuchia
- Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng trong công tác thi công đường dây.
- Minh bạch thông tin tài chính, thông tin tình hình đầu tư và hoạt động.
- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên, tăng năng suất lao động.
- Cải tiến quy trình hoạt động.
- Đảo bảo an sinh xã hội, phúc lợi cao cho đội ngũ CBNV

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....

RỦI RO

Rủi ro kinh tế vĩ mô

Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát đến nay, thế giới đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, các yếu tố rủi ro, bất định gia tăng cùng với sự thay đổi chính sách rất nhanh của các nền kinh tế lớn. Sang năm 2022, mặc dù tình hình dịch Covid-19 có xu hướng được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kết hợp với xung đột Nga – Ucraina và sự xuất hiện nhiều yếu tố mới đã làm tăng thêm khó khăn, thách thức như căng thẳng năng lượng, giá dầu và hàng hóa thế giới tăng cao; chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu; chính sách tài khóa, tiền tệ được nhiều nền kinh tế điều chỉnh theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát đã tác động tới khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế, một số nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái; thiên tai, lũ lụt, hạn hán, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây nguy cơ mất an ninh năng lượng, an ninh lương thực…

Trong bối cảnh đó tình hình lạm phát thế giới tiếp tục tăng cao, Trong nước, kinh tế phục hồi, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với tác động của giá hàng hóa thế giới đã đẩy giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu tăng nhưng nhìn chung mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với cùng kỳ năm 2021, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại.
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của chính phủ.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, giá vàng thế giới biến động tăng giảm đan xen, chỉ số giá vàng bình quân năm 2022 tăng 5,74% so với năm 2021. Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới biến động tăng giảm đan xen. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2022 tăng 2,09% so với năm 2021.

- Xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ: Năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm 2021; trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,4%; giá xuất khẩu hàng hóa tăng 7,09% và lượng hàng hóa xuất khẩu tăng 3,09%; cán cân thương mại đạt thặng dư, ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD. Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2022 ước đạt 360,65 tỷ USD, tăng 8,4%. Trong đó, giá nhập khẩu tăng tới 8,56%, còn lượng hàng nhập khẩu giảm 0,15%.

- Lãi suất thị trường năm 2022: Một năm với nhiều cung bậc đa dạng trên thị trường tài chính - tiền tệ, mà động thái nổi bật trong số đó là các ngân hàng trung ương (NHTW) tích cực sử dụng chính sách lãi suất theo hướng thắt chặt nhằm đối phó với xu hướng tăng lạm phát ở hầu hết các nước trên thế giới. Mục tiêu hàng đầu và xuyên suốt của NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ là ưu tiên kiểm soát lạm phát, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng và hỗ trợ phục hồi kinh tế. Việc NHNN điều chỉnh tăng lãi suất là giải pháp kịp thời, thể hiện sự chủ động và linh hoạt, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tình hình lạm phát cũng như xu hướng nhiều nước đã nâng lãi suất để đối phó với sức ép lạm phát cao, sự mất giá của nhiều đồng tiền so với USD trên thế giới. Việc điều chỉnh tăng lãi suất của NHNN đã đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về điều hành linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ và giải pháp chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa, nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng…

Với đặc thù ngành, các công trình thi công xây dựng thường là những công trình có quy mô lớn, phát sinh thường xuyên nhu cầu tín dụng ngắn hạn như các công trình hệ thống lưới điện, công trình đầu tư nguồn điện… do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của của Tổng công ty.

Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VNECO. Sự thay đổi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ điện năng, từ đó tác động đến quy hoạch nguồn cung điện và xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh VNECO. Cùng với đà hồi phục mạnh của nền kinh tế, nhu cầu điện năng tăng kéo theo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và truyền tải điện.

Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành VNECO thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNECO.

Rủi ro pháp lý

- Là một công ty cổ phần niêm yết, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác….
- Rủi ro pháp lý là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi và hệ thống pháp luật đang còn nhiều sự bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp..., điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.
- Một số văn bản quy phạm pháp luật điều tiết hoạt động xây lắp điện như Quyết định 4970/QĐ-BCT sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VNECO nói riêng.
- Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

Rủi ro ngành

- Đặc thù của hoạt động xây dựng (xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng điện,..) là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như: xây dựng các đường dây và trạm biến áp, các công trình hạ tầng cơ sở...
- Ngoài ra, ngành còn phải chịu nhiều rủi ro từ các quy định pháp lý kể cả việc quy hoạch đất đai, tài sản. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án cũng như môi trường quản lý điều hành và hoạch định của Nhà nước...
- Thời gian thi công thường kéo dài, tiến độ thực hiện chịu sự tác động của nhiều phía.
- Điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công các công việc ở phần ngầm dưới đất, vừa thi công các phần việc ở trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.
- Đặc thù nguyên vật liệu: Sắt, thép, kẽm, gạch đá xi măng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất và xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty.
- Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện.

Rủi ro thanh toán

- Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán (đặc biệt là thanh toán phát sinh) sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- Rủi ro của VNECO có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp; đồng thời các chủ đầu tư cũng bị ảnh hưởng bởi chính sách thắt chặt tiền tệ, nên việc giải ngân vốn cho nhà thầu qua hệ thống ngân hàng thương mại cũng gặp nhiều khó khăn.
- VNECO đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Rủi ro môi trường

- Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động VNECO không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng,...Nhằm hạn chế những tác động đến môi trường quanh khu vực thi công, Tổng Công ty tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công mới, tiên tiến, tiết kiệm nhân lực và diện tích ảnh hưởng.

Rủi ro thi công

- Quá trình thi công xây lắp các công trình điện, các công trình năng lượng tái tạo và lắp đặt máy biến áp đòi hỏi tính chính xác và an toàn cao về mặt kỹ thuật. Vì vậy để giảm thiểu tối đa rủi ro này, Tổng Công ty phải thực hiện thi công theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật...

Rủi ro khác

- Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình đã, đang thi công). Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.
- Vì vậy, VNECO phải cập nhật theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện cán bộ công nhân viên về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, đối với đại dịch COVID-19, các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các Trưởng ban chỉ đạo thi công trên các công trình thường xuyên tuyên truyền CBNV, người lao động phải thực hiện nghiêm túc khuyến cáo của Bộ Y tế "5K là: Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế" để chung sống an toàn với dịch bệnh để bảo vệ bản thân, doanh nghiệp và cộng đồng…

PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

Hoạt động SXKD	35
Tổ chức nhân sự	38
Hoạt động đầu tư	46
Tình hình tài chính	50
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH	52

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

VNECO là một trong những đơn vị đầu tiên và chủ lực trong ngành xây lắp điện và là một trong số ít những đơn vị có kinh nghiệm thi công đường dây & trạm biến áp 500kV cũng như thực hiện hợp đồng EPC các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp cao áp. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tập trung 4 mảng chính trong đó cốt lõi là xây lắp các công trình điện. Tỷ trọng doanh thu xây lắp hàng năm chiếm khoảng 60-85% tổng doanh thu Tổng Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2021	2022
1	Doanh thu thuần	1.999.013	2.132.865
2	Tăng trưởng DTT	53,81%	6,70%
3	Lợi nhuận trước thuế	12.338	18.705
4	Tăng trưởng LNTT	2,27%	51,60%
5	LNST hợp nhất	9.479	10.079
6	Tăng trưởng LNST Hợp nhất	-34,38%	6,33%
7	LNST Công ty mẹ	7.978	14.471
8	Tăng trưởng LNST Công ty mẹ	-31,18%	82,07%

Năm 2021: Doanh thu thuần đạt 1.999 tỷ đồng, tăng 53,81% so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng các công trình năng lượng tái tạo tăng 0,18% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương tăng 1,4 tỷ đồng; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2021 giảm 83,56% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương giảm 38,827 tỷ đồng; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp thương mại năm 2021 tăng 150,33% tương đương tăng 736,981 tỷ đồng;

- Đồng thời trong năm 2021, do ảnh hưởng diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh COVID-19 với biến chủng Delta có tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm hơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ, tính mạng của người dân và các mặt của đời sống kinh tế-xã hội nước ta; nên công tác di chuyển giữa các vùng, miền gặp nhiều khó khăn do cách ly toàn xã hội, nên công tác nghiệm thu các khối lượng thi công xây lắp đã hoàn thành gặp nhiều khó khăn và chậm trễ;

Vì vậy, do có sự tăng trưởng của doanh thu hoạt động thương mại nên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 tăng 53,81% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tăng 699,345 tỷ đồng; Đồng thời, sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 tăng 8,44% tương đương tăng 7,392 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020;

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 sau khi bù đắp các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2021 đạt 7,949 tỷ đồng giảm 31,18% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương giảm 3,6 tỷ đồng và năm 2021 không có phát sinh nghiệp vụ điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lại khi thực hiện thoái vốn tại Công ty liên kết để tăng lợi nhuận hợp nhất như trong năm 2020.

Năm 2022: Doanh thu thuần đạt 2.132 tỷ đồng, tăng 6,70% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, cung cấp, lắp đặt giảm 2,17% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương giảm 16,56 tỷ đồng; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2022 giảm 89,93% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương giảm 6,87 tỷ đồng; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng 12,82% tương đương tăng 157,31 tỷ đồng;

Đồng thời, do một số công trình còn đang vướng mắc thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng thi công, đồng thời do vướng về Room tín dụng nên doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại, dẫn đến chậm giải ngân thanh toán vốn cho nhà thầu, nhà cung cấp vật tư, thiết bị.., Vì vậy đã không đẩy nhanh được tiến độ thi công các công trình xây lắp điện để nghiệm thu kịp thời với các chủ đầu tư, sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng 38.078 triệu đồng, tương đương tăng 40,08% so với cùng kỳ năm 2021;

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 sau khi bù đắp các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2022 đạt 14,47 tỷ đồng tăng 82,06% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tăng 6,52 tỷ đồng.

Biến động chi phí

TT	Chỉ tiêu	2021	2022
1	Giá vốn/DTT	95,25%	93,76%
2	CP quản lý/DTT	2,73%	0,93%
3	CP tài chính/DTT	1,71%	5,14%
4	CP khác/DTT	0,06%	0,17%

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cũng thay đổi trong năm 2022. Trong đó:

- Biên lợi nhuận của hoạt động xây lắp dưới tác động của Quyết định 4970/BCT và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành nên giảm sút mạnh.
- Mặc khác, trong năm 2022 Tổng Công ty đã chuyển giao việc tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, nghiệm thu và tiếp tục thực hiện phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Điện Hối Xuân VNECO cho một Công ty khác, vì vậy đã hoàn nhập được 95% giá trị công nợ đã trích lập dự phòng, tương đương giảm chi phí quản lý doanh nghiệp 53,55 tỷ đồng, vì vậy đã tiết giảm được chi phí quản lý, còn chi phí tài chính đã tăng hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 3,44%.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 2022:

Vĩ mô:

- Năm 2022, các nền kinh tế từng bước mở cửa trở lại, dù vẫn ghi nhận những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh mới (như bệnh đậu mùa khỉ). Xung đột Nga - Ukraina bùng phát từ tháng 2-2022 và kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng, giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao, an ninh năng lượng, an ninh lương thực ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế hàng đầu bị đe dọa. Xu hướng liên minh đối đầu - trả đũa gia tăng giữa một số nhóm nền kinh tế. Tăng giá, đặc biệt là giá lương thực và năng lượng, làm trầm trọng thêm tình trạng đói nghèo tại các nước có thu nhập thấp, thậm chí kể cả sinh kế của nhiều hộ gia đình ở nhiều nền kinh tế phát triển. Theo đó, kinh tế thế giới trong năm 2022 đã trải qua nhiều biến động và bất định. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động mạnh và khó đoán định, tăng trưởng ở hầu hết các quốc gia và khu vực cho thấy nhiều bất ổn và thách thức, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được đánh giá cao bởi kết quả thực tế ở các giai đoạn 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2022 đều nằm trong và vượt dự báo tăng trưởng. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm 2022 cũng chứng kiến nhiều khó khăn đối với cộng đồng doanh nghiệp: 1- Tác động từ chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát và nguy cơ suy thoái kinh tế tại nhiều quốc gia khiến cầu tiêu dùng và đầu tư giảm mạnh; 2- Giá cả nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào giữ xu hướng tăng, làm giảm sức cạnh tranh của của doanh nghiệp; 3- Tiếp cận nguồn vốn khó khăn hơn khi nhiều tổ chức tín dụng đã hết "room" tăng trưởng tín dụng, trong khi diễn biến lãi suất và tỷ giá phức tạp hơn; 4- Đứt gãy, gián đoạn nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào từ nhập khẩu phục vụ sản xuất; 5- Hiệu ứng "lây lan" từ khó khăn đối với doanh nghiệp bất động sản…

Ngành:

- Tháng 12/2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970 quy định về định mức dự toán cho công tác xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của các công ty xây lắp điện nói chung và Tổng Côn-g ty nói riêng giảm mạnh.
- Nhiều dự án của ngành điện được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia và trúng thầu một số công trình.
- Công tác thi công phụ thuộc vào cắt điện của Chủ đầu tư, vướng đến bù giải phóng mặt bằng, vật tư chủ đầu tư cấp chậm, thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD.
- Xu hướng phát triển chung của ngành điện là các dự án PC, EPC, cáp ngầm...

Nội tại Doanh nghiệp:

*** Các yếu tố tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh năm 2022:**

- Kế hoạch đầu tư nhiều dự án trọng điểm của ngành điện chậm khởi công;
- Cạnh tranh trong công tác đấu thầu ngày càng gay gắt và quyết liệt;
- Dự toán các công trình xây lắp điện của các Chủ đầu tư rất thấp vì vậy giá trúng thầu giá trúng thầu và thực tế thi công rất khó khăn, có công trình vừa trúng thầu đã bị lỗ do biến động yếu tố đầu vào;
- Giá cả vật liệu xây dựng và chi phí biến động tăng cao đột biến, đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn;
- Tình hình thanh toán vốn của các Chủ đầu tư rất chậm, dòng tiền luân chuyển rất khó khăn.
- Tiếp cận nguồn vốn khó khăn hơn khi nhiều tổ chức tín dụng đã hết "room" tăng trưởng tín dụng, trong khi diễn biến lãi suất và tỷ giá phức tạp hơn;

*** Các yếu tố tác động tích cực đến kết quả kinh doanh năm 2022:**

- Sự điều hành kịp thời và quyết liệt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, của cả hệ thống, sự nỗ lực của CBCNV toàn Tổng Công ty, sự quyết tâm của các đơn vị trong tổ hợp và các đối tác;
- VNECO đã trúng nhiều công trình xây lắp đường dây và Trạm biến áp lớn với giá trị lớn, làm tiền đề cho công việc năm 2023 và các năm tiếp theo;
- Một số dự án năng lượng tái tạo, bất động sản tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đầu tư để có cơ sở triển khai đầu tư trong thời gian tới.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ban điều hành đều là những người có thâm niên công tác lâu năm trong ngành xây lắp điện và gắn bó với Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Điều này giúp cho Ban điều hành có những hiểu biết sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như duy trì mối quan hệ rộng trong ngành.

Ban điều hành Tổng công ty nhiệm kỳ mới (2020-2025) đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, cụ thể như sau:

Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên BĐH
Ông Trần Quang Cẩn - Tổng Giám Đốc	20/10/1968	Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh	QĐ thôi giữ chức Tổng Giám Đốc có hiệu lực từ 17h ngày 23/02/2023
Ông Trần Văn Huy - P.Tổng Giám Đốc	01/05/1965	Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Lê Văn Khôi - P.Tổng Giám Đốc	30/10/1974	Kỹ sư điện	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Nguyễn Tịnh - Tổng Giám Đốc	08/05/1974	Kỹ sư xây dựng Thủy lợi - Thủy điện	QĐ bổ nhiệm Tổng Giám Đốc có hiệu lực từ 17h ngày 23/02/2023
Ông Phạm Hữu Minh Huy - P.Tổng Giám Đốc	28/07/1973	Kỹ sư Xây Dựng	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	08/01/1994	Cử nhân tài chính - kế toán	QĐ bổ nhiệm ngày 01/07/2020

Năm sinh: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 7.100.000 cổ phần - tỷ lệ 7,85% vốn điều lệ

Thời gian	Vị trí
Tư 2000 - 2005	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty xây lắp điện 3
Tư 2005 - 2006	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Tư 11/2006 - 07/2012	Phó phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 07/2012 - 12/2016	Thạc sỹ kinh tế, Phó phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 11/2016 - 7/2017	Thạc sỹ kinh tế, Trưởng Ban QLRR&KSNB Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 8/2017 - 30/06/2020	Thạc sỹ kinh tế, Thành viên HĐQT, kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/7/2020	Miễn nhiệm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 01/7/2020 -17h 23/02/2023	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 17h 23/02/2023 - nay	Thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty; Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Ông TRẦN QUANG CẨN
NGUYÊN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông NGUYỄN TỊNH
TÂN TỔNG GIÁM ĐỐC VNECO

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 171.109 cổ phần - tỷ lệ 0.19% vốn điều lệ

Thời gian	Vị trí
08/1997-10/2002	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
11/2002 – 10/2003	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
11/2003 – 03/2004	Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
04/2004 - 11/2005	Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 - 09/2009	Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
10/2009 - 04/2015	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
05/2015 - 17h 23/02/2023	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
17h 23/02/2023 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 01/05/1965
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0.12% vốn điều lệ

Thời gian	Vị trí
7/1987 - 2/1988	Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế
3/1988 - 10/1994	Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
11/1994 - 11/1995	Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
12/1995 - 8/1999	Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
9/1999 - 9/2002	Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Xây lắp điện 3
10/2002 - 11/2005	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)
12/2005 - 12/2006	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/2007 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Ông TRẦN VĂN HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Ông PHẠM HỮU MINH HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 28/07/1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Số cổ phần nắm giữ tại VNECO: 198.591 cổ phần - tỷ lệ 0.22% vốn điều lệ

2001-2003	Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
2003-2005	Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
2006- 15/9/2009	Phó Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
16/9/2009 – 7/2010	Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
7/2010 – 11/2013	Trưởng ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
12/2013- 9/2017	Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
9/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 30/10/1974
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0.036% vốn điều lệ

8/1997-4/2003	Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
5/2003-3/2004	Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
4/2004-7/2009	Phó phòng Kỹ thuật vật tư Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
8/2009-6/2013	Phó giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
7/2013-5/2014	Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
6/2014-5/2016	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
6/2016 đến nay	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam

Ông LÊ VĂN KHÔI
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Ông Phạm Đỗ Minh Triết - Kế toán trưởng
Năm sinh: 08/01/1994
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 3.743.170 cổ phần - tỷ lệ 4,14% vốn điều lệ

2014 - 2016	Chuyên viên QHKH Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP An Bình
2016 - 2017	Kế toán tổng hợp + quản lý nhà phân phối công ty Hyundai Corporation
2016 - 02/2020	Giám đốc điều hành Hotel 175
03/2020 đến 06/2020	Công ty cổ phần BCG Energy thuộc ban phát triển dự án
01/7/2020 đến nay	Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Ông PHẠM ĐỖ MINH TRIẾT
Kế toán trưởng

Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ngày 23/02/2023, Tổng Công ty có thay đổi nhân sự của Ban điều hành và được cập nhật tại mục 2.2.1

Tình hình nhân sự

VNECO hiện có 208 lao động làm việc tại văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

TT	Tính chất phân loại	Năm 2022	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	208	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	88	42,31
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	22	10,58
3	Khác	98	47,12
B	Theo hợp đồng lao động	208	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	200	96,15
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	6	2,88
3	Hợp đồng dưới 1 năm	2	0,96

Tổng Công ty đã thực hiện các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề Giám sát xây dựng hạng I; Đào tạo cấp thẻ an toàn cho công nhân kỹ thuật

Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Tổng Công ty đang áp dụng về giờ làm việc 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào những ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tuỳ thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.

Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao tình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tại tại chức ở các trường đại học.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương thực hiện theo Quy chế chi trả tiền lương, thu nhập tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của người lao động, phù hợp với xu thế tiền lương trên thị trường lao động. Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty thực hiện chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động cho CBNV được Tổng Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho CBNV theo luật lao động và nội quy lao động.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Chính sách đảm bảo an toàn lao động: Nhằm hạn chế tối đa các rủi ro trong quá trình sản xuất và thi công, Tổng Công ty thường quan tâm đến việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, Bộ phận an toàn lao động của Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với các Trưởng ban chỉ đạo thi công thực hiện kiểm tra đánh giá tình hình tuân thủ an toàn lao động tại công trình, thường xuyên tổ chức các khoá học tập, huấn luyện an toàn vệ sinh, phòng ngừa tai nạn cho người lao động, trang bị đầy đủ, kịp thời bảo hộ lao động (quần, áo, mũ...) có gắn logo của Tổng Công ty để đảm bảo an toàn trong thi công và nhận diện thương hiệu VNECO; Các đơn vị thi công trên công trường và cán bộ giám sát của Ban chỉ đạo không thực hiện nghiêm việc mặc trang phục bảo hộ lao động sẽ bị phạt tiền đối với đơn vị thi công và căn cứ đánh giá xếp loại lương đối với cán bộ giám sát của Tổng Công ty cho từng lần vi phạm. Lãnh đạo Tổng Công ty luôn quan tâm việc đầu tư và cải tiến công nghệ nhằm đảm bảo an toàn cho CBNV.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế

Địa điểm: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Diện tích đất dự án: 43,1 ha.

Quy mô: Quỹ đất được giao bao gồm đất ở được phân lô bán nền và đất ở kèm nhà thô là 998 lô; đất thương mại dịch vụ: 3 lô

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Tình hình triển khai dự án: Toàn bộ dự án đã đầu tư xong phần hạ tầng kỹ thuật, chỉ riêng đến thời điểm hiện nay, phần đấu nối hệ thống các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường 3D, 3E, 3G chưa triển khai thi công được, nguyên nhân do các tuyến đường 36m và 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên VNECO chưa có mặt bằng để thi công phần tiếp giáp các tuyến đường trên. Đồng thời, đối với diện tích đất khu thương mại dịch vụ kết hợp chung cư (với diện tích được giao để thực hiện là 32.559,9 m2, bao gồm các khu CT2, CT3 và CT4), VNECO đã thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo phê duyệt của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cùng với tuyến đường giao thông 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên chưa có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để triển khai thực hiện. Đồng thời do hệ thống thoát nước thải của tỉnh Thừa Thiên Huế chưa hoàn chỉnh, chưa có điểm đấu nối chính thức.

Trong năm 2022, VNECO đã thực hiện chuyển nhượng 01 lô đất và nhà thô trên đất theo hình thức hợp tác đầu tư cho các đối tác, với tổng diện tích đất được chuyển nhượng là 105,00 m2 và doanh thu chuyển nhượng là 769 triệu đồng.

Như vậy tính lũy kế đến thời điểm 31/12/2022, VNECO đã chuyển nhượng được 268 lô đất được phân lô bán nền (diện tích đất chuyển nhượng là 31.546m2) và chuyển nhượng 608 lô đất kèm với xây dựng nhà thô (diện tích đất chuyển nhượng là 77.878m2). Tổng diện tích đã chuyển nhượng lũy kế là 109.424,10m2, với doanh thu chuyển nhượng lũy kế là 665,112 tỷ đồng.

Hoàn thành phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Hoàn thành Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án "trạm bơm và tuyến ống thu gom nước thải ngoài phạm vi hàng rào dự án".

Thực hiện và trình đồ án điều chỉnh cục bộ các lô đất TMDV kết hợp chung cư CT2, CT3, CT4 và Bổ sung các chỉ tiêu quy hoạch (mật độ, chiều cao, hệ số sử dụng đất) của 3 lô đất CT 2,3,4 vào đồ án quy hoạch phân khu C An Vân Dương.

Hoàn thành việc kiểm tra thực tế, lên chi tiết các hạng mục cần sửa chữa của hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống cây xanh để chuẩn bị nghiệm thu bàn giao.

Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong - Bình Thuận:

Địa điểm: thôn Hồng Chính, xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Loại, cấp, quy mô công trình: Công nghiệp năng lượng, cấp II, tổng công suất 30,4MW.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (Công ty con 100% vốn đầu tư của Tổng Công ty.

Tổng mức đầu tư: 1.251 tỷ đồng.

Tổng giá trị hoàn thành: 1.234 tỷ đồng

Các hạng mục công trình chính:

- Xây dựng và lắp đặt 08 trụ turbine gió, công suất 3,8MW/turbine; Tổng công suất nhà máy 30,4MW, sản lượng điện hàng năm khoảng 106.952MWh (tương ứng với chiều cao đặt hub 131,4m);
- Xây dựng hệ thống đường giao thông gồm: đường giao thông kết nối với hệ thống giao thông hiện hữu và đường giao thông nội bộ phục vụ thi công, vận hành nhà máy;
- Lắp đặt hệ thống cáp ngầm nội bộ 22kV để kết nối các Turbine gió với trạm biến áp 22/110kV, các trạm biến áp nâng áp 0,69/22kV và các thiết bị đóng cắt 22kV được xây dựng lắp đặt bên trong turbine gió;
- Xây dựng nhà điều hành quản lý dự án, nhà điều hành các trại gió và các hạng mục phụ trợ khác;

Đến thời điểm ngày 31/10/2021, đã vận hành phát điện thương mại (COD) được 05/08 Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw) và đang hoàn thiện các thủ tục phát điện cho 3 Turbine còn lại thời gian tới khi có giá FIT2.

Dự án điện mặt trời tại xã Hòa Thắng, Bình Thuận:

- ◊ Thực hiện chủ trương của HĐQT Tổng công ty đã triển khai xin đầu tư dự án năng lượng sạch, điện mặt trời kết hợp trên khu đất của điện gió Thuận Nhiên Phong.
- ◊ Đã làm việc với các Sở ban ngành của UBND tỉnh Bình Thuận xin chủ trương thực hiện đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1 và 4.2. Sau khi xem xét các ý kiến của các Sở ban ngành và tình hình thực tế, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Tờ trình gửi Bộ Công thương đề nghị cho Tổng công ty đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2 công suất 48,99 MWp, tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, phối hợp với Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 làm hồ sơ gửi Bộ Công thương.
- ◊ Bộ công thương đã tiếp nhận hồ sơ bổ sung quy hoạch, hiện tại đang tạm dừng nội dung theo văn bản số 174/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của văn phòng Thủ tướng chính phủ.

Dự án VNECO DC tại 66 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng:

- ◊ Bao gồm cả các lô đất 64 & 66 Hoàng Văn Thái
- ◊ Đã nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án lên UBND thành phố và nhận phản hồi hoàn thiện công tác đất đai trước khi trình chấp thuận chủ trương đầu tư.;
- ◊ Đã rà soát nguồn gốc đất theo các phương án cổ phần hóa và xác định nguồn gốc đất không liên quan đến quá trình cổ phần hóa;
- ◊ Đã làm việc với sở Tài nguyên Môi trường thành phố để hướng dẫn về công tác đất đai dự án
- ◊ Đã làm việc với Trung tâm phát triển quỹ đất để tìm bổ sung lô đất ở (liền thửa) vào kế hoạch đấu giá năm 2023 nhưng chưa thành công;
- ◊ Đã xin phê duyệt tĩnh không dự án với chiều cao 120m;
- ◊ Đã làm việc với tư vấn và CĐT đồ án quy hoạch phân khu để bổ sung các chỉ tiêu tầng cao 30 tầng, mật độ xây dựng 40-60%, dân số 5.900 dân cho dự án.
- ◊ Ký hợp đồng gói concept với Cubic đã báo cáo lần 2 và đang tạm ngưng thực hiện hợp đồng để chờ CĐT hoàn thiện công tác đất đai, điều chỉnh lại ranh giới đất dự án.

Dự án VNECO TOWER (344 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng) :

Đã làm việc với sở Kế hoạch Đầu tư về việc lập dự án theo hướng dẫn tại văn bản gần nhất của sở TNMT năm 2019, tuy nhiên dự án không thuộc diện lập chủ trương đầu tư theo luật đầu tư 2021 và hiện trang chưa hoàn thành thủ tục đất đai. Đã gửi văn bản bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cho UBND quận Hải Châu nhưng chưa được bổ sung do chưa hoàn thiện công tác đất đai. Đã gửi văn bản sở Tài nguyên Môi trường để hướng dẫn thủ tục hoàn thiện công tác đất đai nhưng chưa nhận được phản hồi.

Dự án điện gió tại huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị:

- ◊ - Công suất bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia là 100MW.
- ◊ - Hiện nay đã hoàn thành việc đo gió và cấp độ cao tĩnh không
- ◊ - Đã có văn bản số 4601/UBND-CN, ngày 08 tháng 10 năm 2020 của tỉnh Quảng Trị gửi Bộ Công thương đề nghị bổ sung vào quy hoạch điện VIII.

Dự án điện gió tại Lệ Thủy 3, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

- Công suất bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia là 100MW.
- Ngày 15/06/2021 UBND tỉnh Quảng Bình có văn bản số 2178/VPUBND-KT về việc giao Tổng Công ty khảo sát nghiên cứu đầu tư dự án Điện gió Lệ Thủy 3 - Giai đoạn 3 tại xã Sen Thủy và Thái Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
- Cho phép VNECO lắp đặt 1 cột đo gió trong khu vực dự án với chiều cao cột đo gió là 120m, diện tích đất sử dụng dự kiến 400m2/cột. Thời gian đo gió, khảo sát, nghiên cứu là 15 tháng kể từ ngày 28/3/2022. UBND tỉnh Quảng Bình đồng ý cho gia hạn thời gian khảo sát, đo gió đến ngày 31/12/2023.

Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

1. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Hoạt động chính: Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 6.985.720.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93

2. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh
Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,…
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 5.192.580.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%

3. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 9.746.980.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%

4. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 7.887.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%

5. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận
Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phố điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 440.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

6. Tên Công ty: Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh Bất động sản...
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 1.631.187.792 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

7. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 20.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

8. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO

Địa chỉ: Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

9. Tên Công ty : Công ty TNHH Đầu tư VNECO

Địa chỉ: Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 20.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

10. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Xây dựng năng lượng VNECO

Địa chỉ: Số 344 Phan Chu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh BĐS, thương mại
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 1.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

11. Tên Công ty : Công ty Cổ phần VNECO - RME

Địa chỉ: Số 99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận, TP. Hồ Chí Minh
Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh BĐS, thương mại
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2022: 15.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

TT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ	Giá trị vốn góp	Dự phòng đã trích lập 31/12/2022	Doanh thu 2022	LNST 2022
I	**Công ty con**					
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.986		117.098	29
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.193		82.261	(1.903)
3	Công ty CP xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.747	(2.751)	239.413	(6.784)
4	Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	788.700	7.887		76.645	32
5	Công ty TNHH MTV VNECO-Miền Trung		1.631	(1.270)	10.875	(537)
6	Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong		440.000		109.254	7.080
7	Công ty TNHH điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng		20.000		0	3
8	Công ty TNHH Đầu tư VNECO		20.000		258.377	13
9	Công ty Cổ phần VNECO - RME		15.000	(433)	132.385	(1.154)
10	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Năng Lượng VNECO		1.000		20.985	313
II	**Công ty liên kết**					
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	400.000	4.000	0	36.083	313

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	3.483.317	4.010.629	15.14%
2	Doanh thu thuần	1.999.013	2.132.865	6.70%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	5.113	12.694	148.27%
4	LN hoạt động kinh doanh	12.576	20.598	63.79%
5	LN trước thuế hợp nhất	12.338	18.705	51.60%
6	LN sau thuế của Công ty mẹ	7.949	14.472	82.06%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	Dự kiến 5% bằng CP		

Năm 2022, trước tình hình các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn khó khăn hơn khi nhiều tổ chức tín dụng đã hết "room" tăng trưởng tín dụng, trong khi diễn biến lãi suất và tỷ giá phức tạp hơn, đồng thời bối cảnh ngành Xây lắp điện còn gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 6,70% (doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống giảm nhẹ 2,17%, doanh thu chuyển nhượng bất động sản giảm 89,93% so với cùng kỳ năm 2021, ngoài ra được hỗ trợ của doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 12,82% so với cùng kỳ năm 2021).

Tổng tài sản tăng 15,14% tương đương tăng 0,53 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021; các chỉ tiêu kinh tế còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 sau khi bù đắp các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2022 đạt 14,47 tỷ đồng tăng 82,06% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tăng 6,5 tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,71	1,01
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,64	0,78
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ/TTS	%	70,61%	74,21%
	Nợ/VCSH	%	240,24%	287,74%
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay Tổng tài sản	vòng	0,72	0,57
	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	32	61
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	185	215
	Kỳ phải trả bình quân	ngày	114	187
4	Khả năng sinh lời			
	LNST/DTT	%	0,40%	0,68%
	LNST/VĐL	%	0,88%	1,60%
	LN HĐKD/DTT	%	0,63%	0,97%
	ROA	%	0,29%	0,39%
	ROE	%	0,80%	1,41%

Khả năng thanh toán

So với cùng kỳ năm 2021, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,71 lần lên 1,01 lần. Trong năm 2022, doanh thu tăng 6,70% so với cùng kỳ năm 2021, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 16,94%, trả trước cho người bán giảm 17,93%, phải thu ngắn hạn khác tăng 54,35% nên các khoản phải thu ngắn hạn chỉ tăng 17,79% so với cùng kỳ năm 2021; Mặt khác hàng tồn kho tăng 208,57%, tài sản ngắn hạn khác tăng 11,99%, đồng thời chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền tăng 114,34% dẫn đến tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty tăng từ 1.563,67 tỷ đồng năm 2021 lên 2.217,78 tỷ đồng năm 2022 (tương ứng tỷ lệ tăng 41,83%); trong khi đó, nợ ngắn hạn cũng tăng từ 2.187,57 tỷ đồng năm 2021 lên 2.203,24 tỷ đồng năm 2022 (tương ứng tỷ lệ tăng 0,72%) do đó kết quả hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 0,29 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng 0,14 lần so với cùng kỳ năm 2021. Do hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1 nên khả năng thanh toán toàn bộ khoản nợ ngắn hạn trong thời gian ngắn của doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn và áp lực. .

Cơ cấu vốn

Cùng với việc tăng các khoản phải thu tại 31/12/2022, Tổng nợ tại 31/12/2022 là 2.976,27 tỷ đồng, tăng 516.741 tỷ đồng tương đương tăng 21,01% so với cùng kỳ năm 2021. Vì vậy tỷ số chỉ tiêu Nợ trên chỉ tiêu Tổng tài sản năm 2022 đạt 74,21% tăng so với cùng kỳ năm 2021 là 3,6%. Vì vậy, Tổng Công ty cần tăng cường kiểm soát chặt chẽ khả năng thanh toán và điều tiết thanh toán các khoản nợ phù hợp theo từng thời kỳ thanh toán.

Năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản năm 2022 đạt 0,57 vòng, giảm so với mức 0,72 lần năm 2021 do tổng tài sản bình quân tăng.

Đặc thù ngành xây lắp điện phát sinh rủi ro nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian tuỳ thuộc vào từng nguồn vốn và phải duyệt qua nhiều khâu, nhiều công đoạn dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, đồng thời năm 2022 hầu hết các chủ đầu tư đều vướng khi tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng khi đã hết "room" tăng trưởng tín dụng, trong khi diễn biến lãi suất và tỷ giá phức tạp hơn làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, dẫn đến kỳ thu tiền bình quân luôn cao hơn kỳ trả tiền bình quân. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động về nguồn vốn đảm bảo trong thanh toán.

Khả năng sinh lời

Doanh thu năm 2022 tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2021 là 6,7%, tỷ lệ lãi gộp các công trình xây lắp và các hoạt động kinh doanh khác sau khi bù đắp được các chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2022 tăng hơn cùng kỳ năm 2021 là 82,05% tương đương tăng 6,5 tỷ đồng. Mặt khác, ngày 26/12/2016 Bộ Công Thương ban hành quyết định 4970/QĐ-BCT quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quy định mới này, giá trị xây dựng móng các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương các công trình xây dựng dân dụng và thấp hơn khá nhiều so với quy định trước đó. Điều này tác động rất lớn đến lợi nhuận biên hoạt động xây lắp truyền thống của Tổng Công ty

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH

Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 90.432.953 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 8.498.920 cổ phần, trong đó:

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 81.934.033 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 90.432.953 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 30/03/2022 - ngày chốt danh sách để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Nhà nước	-	-
2	Nội bộ	15.216.320	16,83
3	Cổ phiếu quỹ	8.498.920	9,40
4	Cổ đông trong nước	60.396.290	66,79
	Tổ chức	8.459.115	9,35
	Cá nhân	51.937.175	57,43
5	Cổ đông nước ngoài	6.321.423	6,99
	Tổ chức	1.582.668	1,75
	Cá nhân	4.738.755	5,24
	Tổng cộng	90.432.953	100

Danh sách cổ đông lớn: (tại ngày 28/02/2023)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Trần Quang Cần	7.100.000	7,85
2	La Mỹ Phượng	5.206.789	5,76
3	Công ty Cổ phần Malblue	11.103.400	12,28
	Tổng cộng	23.410.189	25,89

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 904,329 tỷ đồng lên 1.404,329 tỷ đồng, tương đương phát hành tăng vốn thêm 500 tỷ đồng. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Do các lý do khách quan và chưa được sự chấp thuận của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, VNECO chưa thực hiện triển khai tăng vốn điều lệ từ 904,329 tỷ lên 1.404,329 tỷ đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2022: 8.498.920 cổ phiếu

Trong năm không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác: không phát sinh

PHẦN III
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua những chu kỳ thăng trầm trong hơn 30 năm phát triển, VNECO nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững. Chung tay xây dựng một thế giới xanh sạch đẹp là cách thức VNECO chuyển mình để vươn lên trong bối cảnh cạnh tranh và bão hòa của ngành. Chia sẻ giá trị công ty với đội ngũ nhân viên, cổ đông, đối tác và cộng động là yếu tố giúp VNECO vững bước trên con đường chinh phục vị trí dẫn đầu.

Định hướng phát triển năng lượng xanh, giảm phát thải, cải thiện môi trường

Việt Nam là quốc gia có cường độ năng lượng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sử dụng năng lượng tại Việt Nam tăng nhanh hơn các nước trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực điện. Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn mang lại các cơ hội và lợi ích kinh tế mới, tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Nhận thức được ba xu hướng đang hình thành trong ngành năng lượng toàn cầu bao gồm: Số hóa (kết hợp máy móc với phần mềm, phân tích dữ liệu), Phát điện phân bố (người dùng có thể sản xuất và bán điện vào lưới) và Giảm phát thải (ưu tiên năng lượng tái tạo, nâng cấp và chuyển đổi sang công nghệ sạch cho điện truyền thống để giảm phát thải CO2); VNECO định hướng mục tiêu trung và dài hạn của tổng công ty sẽ tập trung vào phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bên cạnh mảng xây lắp điện truyền thống, hai lĩnh vực kinh doanh chính có tính chất bổ trợ cho nhau chặt chẽ.

VNECO hiện là chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các dự án năng lượng xanh như: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong, dự án điện mặt trời Vĩnh Long, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2... Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đẩy mạnh đầu tư với vị trí chủ đầu tư và tổng thầu EPC.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tất cả nguyên vật liệu đưa vào các công trình thi công đều được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện thi công. Các nguyên vật liệu đều được thí nghiệm để đánh giá lại trước khi đưa vào sử dụng.

Do đặc thù ngành xây lắp, các nguồn vật liệu đầu vào mang tính chất hóa học cao nên Tổng công ty chưa đầu tưnghiên cứu tái chế để sử dụng lại nguyên liệu sử dụng trong thi công.

Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

Là đơn vị đầu ngành trên lĩnh vực xây lắp điện nên VNECO hiểu rõ ý nghĩa việc tiết kiệm điện năng đối với cộng đồng. Bằng việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng trong việc chiếu sáng cũng như phục vụ công tác, VNECO góp phần giảm hao tổn điện năng sử dụng, toàn thể CBNV VNECO luôn ý thức từ những việc nhỏ như tắt thiết bị khi không sử dụng, đặt điều hòa phòng làm việc ở nhiệt độ hợp lý,... từ đó giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và góp phần giảm lượng điện năng tiêu thụ. Cùng với đó, việc tiêu thụ nước cũng áp dụng các hình thức tiết kiệm tương tự.

Xử lý rác thải

Ý thức bảo vệ mô trường cũng được người lao động thực hiện tốt qua việc tái sử dụng văn phòng phẩm, giấy in nhằm chung tay bảo vệ môi trường. Toàn bộ rác sinh hoạt được phân loại từ các phòng, ban trước khi chuyển cho đơn vị thu gom nhằm tránh đưa các rác thải có hại ra môi trường mực in, bao nilong,...

Nguồn chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt tại văn phòng Tổng Công ty được chỉ định chỗ vứt rác tại mỗi khu vực làm việc và sẽ được đội ngũ vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ vào cuối mỗi ngày làm việc. Vệ sinh lau chùi trong và ngoài phòng làm việc hàng ngày đảm bảo môi trường công tác trong lành. Truyền thông đến toàn bộ CBNV về ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, đặc biệt giấy in, khuyến khích tái sử dụng các văn phòng phẩm còn công năng khai thác. Hợp động với công ty môi trường đến thu gom và xử lý rác thải.

Nguồn chất thải từ công trường bao gồm nước thải, khí thải, khói bụi và rác thải xây dựng... được Ban chỉ đạo công trình kiểm soát chặt chẽ các quy định về vệ sinh môi trường. Tuyên truyền CBNV và công nhân công trình sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, không lãnh phí. Áp dụng nghiêm nghặt quy trình bảo hộ lao động.

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Tổng Công ty luôn ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường. Tổng Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường trong hoạt động của Tổng Công ty. Các dự án thi công đều thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường xã hội tại địa bàn thực hiện, đồng thời đưa giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường và hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, năm 2019, Tổng Công ty bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Thượng do chậm nộp Báo cáo ĐTM (Báo cáo đánh giá tác động môi trường) của Dự án cho Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại văn phòng Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về thu gom và xử lý rác thải. Tại mỗi phòng làm việc đều dán các thông điệp về tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước.

VNECO là đơn vị chuyên về xây lắp các công trình điện (nguồn điện, trạm biếp áp, đường dây), địa bàn hoạt động của Tổng Công ty trải rộng khắp cả nước, khu vực hoạt động chính cũng là khu vực có tác động mạnh đến môi trường là các công trường thi công. Tại các công trình thi công, Trưởng ban chỉ đạo các bộ phận giám sát chặt chẽ môi trường làm việc nhằm tiết kiện điện, nước và hạn chế tối đa nước thải và bụi bẩn từ các công trình.

Người lao động là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, gắn bó với Tổng Công ty luôn được xem là tài sản quý giá nhất đồng hành cùng sự phát triển bền vững của VNECO. Các chính sách nhân sự luôn hướng đến việc cam kết đồng hành lâu dài giữa công ty và người lao động.

NĂM	Thu nhập bình quân
2015	9.989.000
2016	9.747.000
2017	10.925.000
2018	10.720.000
2019	10.304.513
2020	12.952.700
2021	13.000.000
2022	13.432.767

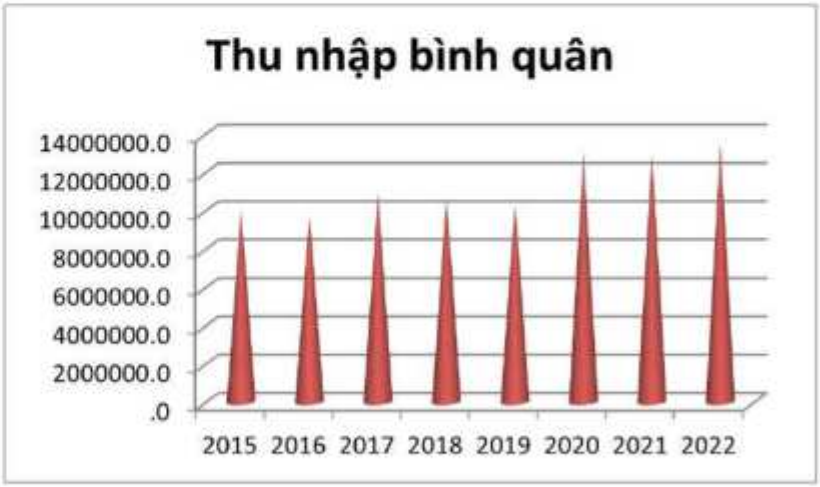

Chăm sóc đời sống người lao động

Không chỉ chú trọng sản xuất kinh doanh, với truyền thống là một DN nhà nước, VNECO không ngừng chăm lo đời sống người lao động để họ yên tâm gắn bó công tác.

Tại Tổng Công ty, hoạt động Công đoàn được tạo nhiều điều kiện thuận lợi. Đây là cơ sở để Công đoàn phát huy vai trò và tham gia cùng lãnh đạo công ty trong việc chăm lo đời sống NLĐ. Công đoàn cơ quan và Công đoàn Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên CBNV công tác tại công trường, chúc tết gia đình CBNV đã có những hy sinh cho sự nghiệp đường dây tải điện,...

Thỏa ước lao động tập thể tại công ty có những điều khoản có lợi hơn cho NLĐ so với luật định được quy định trong bản thỏa ước như trường hợp ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột chết được nghỉ 1 ngày hưởng nguyên lương; trường hợp bản thân CBNV ốm đau hoặc gia đình ốm đau được hưởng trợ cấp; khuyến khích con em CBNV học tập và được khen thưởng theo kết quả học tập trong ngày 1/6 hàng năm.

Quy chế dân chủ tại công ty được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tổ chức hội nghị CBNV, đối thoại tại nơi làm việc hàng Quý đảm bảo chất lượng, phát huy quyền làm chủ của CBNV. Các chế độ bảo hiểm cho CBNV, xây dựng thang lương, bảng lương và điều chỉnh thang bảng lương theo quy định của pháp luật... được công ty thực hiện đầy đủ.

Với tiêu chí lấy người lao động làm gốc và cũng là "vốn quý" của mỗi doanh nghiệp nên Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt dành nhiều chính sách nhằm chăm lo tốt nhất cho đời sống của CBNV. Song song với việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, đảm bảo, các hoạt động chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động được công ty chăm chút như tổ chức tham quan du lịch, tổ chức các hoạt động thể thao cho người lao động, hỗ trợ CBNV và gia đình khi gặp khó khăn, chăm lo cho con em công nhân lao động...

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ và nhận thức trong cuộc sống cho CBNV

Tổng Công ty thường xuyên cử CBNV tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao các kỹ năng mềm trong công tác

Gắn kết cùng đơn vị thành viên, nhà thầu phụ, đối tác

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, nên hoạt động kinh doanh của VNECO gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, học tập lẫn nhau trong tổ hợp, tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị và cả tổ hợp.

Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp điều độ để kiểm điểm tiến độ, chất lượng thi công trên các công trình, thành mời gồm Lãnh đạo chủ chốt các đơn vị và các phòng ban chuyên môn Tổng Công ty, kết hợp qua đó nắm bắt thêm tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong tổ hợp, nhằm cùng nhau tìm ra và giải quyết các vấn đề còn tồn tại mỗi đơn vị, góp phần đưa từng đơn vị và tổ hợp phát triển minh bạch, bền vững.

Giúp cho việc gắn kết giữa các đơn vị một cách minh bạch và hiệu quả, Tổng Công ty ban hành các Quy trình về lựa chọn nhà thầu phụ, nhà cung cấp; Quy trình thanh toán nhà thầu phụ, nhà cung cấp; minh bạch thông tin, hướng tới mục tiêu hợp tác cùng phát triển.

Đồng hành cùng địa phương trong các công tác cộng đồng

Với truyền thống hơn 30 năm trong ngành, đã trải qua nhiều công trình trên khắp cả nước, những người thợ đường dây VNECO thấu hiểu và luôn chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng. Toàn thể người lao động luôn tiên phong trong việc đóng góp ủng hộ đồng bào cả nước bị thiên tai, bão lụt và chung tay cùng các tổ chức nhân đạo từ thiện trong việc hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, bất hạnh và những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang lại niềm vui cho cuộc sống và động viên những hoàn cảnh không may vươn lên. Đó chính là nét nhân văn được xây dựng trong 30 năm qua, là một phần không thể thiếu trong Văn hóa VNECO được định hình cùng thương hiệu.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bộ Tài chính là một trong những bộ, ngành đầu tiên của Việt Nam chính thức ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong đó, trọng tâm là hình thành thị trường huy động vốn xanh phù hợp với thông lệ quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050" với mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; xanh hóa các ngành kinh tế…

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với các mục tiêu cụ thể dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (ii) Xanh hóa các ngành kinh tế; (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; (iv) Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm nâng cao năng lực chống chịu;

Hưởng ứng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và định hướng phát triển của Bộ tài chính về thị trường vốn xanh, VNECO đang dần chuyển hướng kinh doanh, mở ra một mũi nhọn mới tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì một nền kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

PHẦN VI
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình phát triển ngành 64

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 66

Tình hình tài chính 69

Kế hoạch phát triển tương lai 72

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN NGÀNH XÂY LẮP ĐIỆN

Việt Nam có đặc điểm địa lý hẹp, chiều dài đất nước kéo dài và nhiều hải đảo. Cùng với đó là phân bố các nhà máy điện không đồng đều giữa các khu vực cũng như yếu tố thời tiết làm cho lượng điện phát ra ở các khu vực tập trung nhà máy thủy điện biến động làm cho việc truyền tải điện gặp nhiều khó khăn.

Để đảo bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Bộ Công Thương cho biết, Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đánh giá việc phát triển ngành năng lượng nói chung và phân ngành điện nói riêng như sau: "Cung cấp năng lượng, đặc biệt là cung cấp điện cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ngày càng được cải thiện;.... Đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện có sự phát triển mạnh mẽ, là điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm an ninh cung ứng điện. Đưa điện lưới quốc gia tới hầu hết mọi miền của đất nước, kể cả vùng sâu, vùng xa, biên cương, hải đảo";

Thời điểm hiện tại, đã có nhiều biến động lớn trong phát triển điện lực: Quốc hội đã quyết định dừng thực hiện nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận; Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ–TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, tạo ra sự bùng nổ đầu tư của các dự án điện mặt trời, điện gió (chủ yếu do các nhà đầu tư tư nhân thực hiện – là điểm mới so với trước đây khi hầu hết các dự án, công trình điện đều do các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đầu tư); sự chậm trễ và khó khăn trong đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện (đặc biệt là các nhà máy điện truyền thống); sự phát triển của công nghệ trong sản xuất và truyền tải điện (đặc biệt là công nghệ điện mặt trời, điện gió), dẫn tới khả năng giảm sâu giá thành sản xuất của loại hình nguồn điện này; sự xuất hiện của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 có ảnh hưởng to lớn tới quá trình sản xuất, truyền tải và phân phối điện...

Những biến động này có tác động lớn tới tình hình phát triển điện lực của Việt Nam, vì vậy việc lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) là nhiệm vụ cấp bách và có tính thời sự cao. Để vượt qua các khó khăn, thách thức, đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch sẽ định hướng được tương lai phát triển của ngành điện; định lượng các giá trị mục tiêu cung cấp điện; xác định quy mô, tiến độ và phân bố không gian của các công trình nguồn điện, lưới điện và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

Theo quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021-2030 tổng vốn đầu tư lưới điện dự kiến khoảng 761.964 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Triển vọng cao, tuy nhiên thực trạng ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các công trình thi công nằm rải rác trên địa bàn cả nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề ngày càng mỏng do cơ cấu, thu nhập, sắp xếp lại. Nhiều công trình do chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và tiến độ cung cấp vật tư chậm và không đồng bộ, bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới và trong nước đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Tuy nhiên bước sang năm 2023, hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp điện nói chung và của Tổng Công ty nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn do sức ép lạm phát, thiếu hụt nguồn nhân lực lành nghề, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tiềm ẩn những nguy cơ biến động theo chiều hướng tăng (như cát, đá, xi măng, thép, xăng dầu...), doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn tín dụng khó khăn hơn, tỷ giá và lãi suất tăng cao, rủi ro về phát sinh các khoản công nợ phải thu khó đòi, những gói thầu đòi hỏi quy mô vốn lớn, trong khi đó đơn giá định mức thấp, thủ tục nghiệm thu thanh toán kéo dài đã gây bất lợi lớn cho doanh nghiệp đối với các hợp đồng đã trúng thầu và đang đấu thầu;

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm tài chính 2022, tính riêng Công ty mẹ doanh thu và thu nhập đạt 1.280.759 triệu đồng, hoàn thành 43,85% kế hoạch năm và giảm 29,29% so với thực hiện năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 6.443 triệu đồng hoàn thành 6,3% kế hoạch và giảm 85,47% so với cùng kỳ năm 2021.

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	KH 2022	TH 2022	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập	2.920.650	1.280.759	43,85%
2	Lợi nhuận sau thuế	102.300	6.443	6,30%

Nguyên nhân doanh thu hoàn thành được 43,85% so với kế hoạch do Chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, vướng đền bù, phụ thuộc thời gian cho phép cắt điện, điều kiện thời tiết, thủ tục nghiệm thu chậm, một số công trình có khối lượng lớn nằm trong kế hoạch doanh thu năm 2022 nhưng không thể thi công hoàn thành như Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (G5), TBA 220kV Bá Thiện (G11); Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (G2); Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (G5 & G6), Đz 220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (G9 & G10), Đz 220kV Nậm Sung - Nông Cống (G14), Đz đấu nối vào TBA 500kV Vĩnh Yên (G11), TBA 110kV Gia Nghĩa & Đz đấu nối, Đz 110kV & NXT Nhà máy bột giấy VNT19, Đz 220kV Cà Mau 1, TBA 220kV MRNL đấu nối cụm NMĐG Cà Mau 1, Đz 220kV KrôngBuk-Nha Trang mạch 2 (G11, G12 & G13.1), TBA 500kV Thốt Nốt (G5)...

Cơ cấu doanh thu

TT	Cơ cấu doanh thu	2021 Giá trị	2021 Tỷ trọng	2022 Giá trị	2022 Tỷ trọng	Tăng trưởng
1	DT hoạt động xây dựng	763.210	38,18%	746.647	35,01%	-2,17%
2	DT bán hàng	1.227.219	61,39%	1.384.530	64,91%	12,82%
3	DT cung cấp dịch vụ	7.642	0,38%	769	0,04%	-89,94%
4	DT từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	941	0,05%	941	0.04%	-2,44%
	Tổng	1.999.012	100,00%	2.132.864	100,00%	6,70%

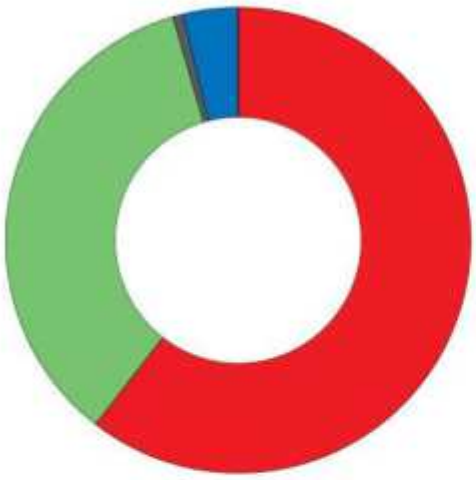

Năm 2021, doanh thu hoạt động xây lắp của VNECO đạt 763,210 tỷ đồng chiếm 38,18% cơ cấu tổng doanh thu và tăng nhẹ 0,18% so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 7,642 tỷ đồng chiếm 0,38% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 83,55% so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.227,219 tỷ đồng chiếm 61,39% cơ cấu tổng doanh thu và tăng 153,33% so với cùng kỳ năm 2020. Nhìn chung tổng doanh thu năm 2021 của VNECO đạt 1.999,012 tỷ đồng, tăng 53,81% so với cùng kỳ năm 2020.

Đồng thời trong năm 2021, Tổng Công ty đã đầu tư thiết bị lắp dựng các dự án điện gió gồm 2 tổ hợp cẩu 800 tấn và hệ thống các cẩu nhỏ đi kèm đã góp phần tăng doanh thu và lãi gộp trong cơ cấu tổng doanh thu & lãi gộp của Tổng Công ty năm 2021.

Năm 2022, doanh thu hoạt động xây lắp của VNECO đạt 746,647 tỷ đồng chiếm 35,01% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 2,17% so với cùng kỳ năm 2021; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 0,769 tỷ đồng chiếm 0,04% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 89,94% so với cùng kỳ năm 2021; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.384,53 tỷ đồng chiếm 64,91% cơ cấu tổng doanh thu và tăng 12,82% so với cùng kỳ năm 2021. Nhìn chung tổng doanh thu năm 2022 của VNECO đạt 2.132,86 tỷ đồng, tăng 6,70% so với cùng kỳ năm 2021.

Các yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh trong năm 2022:

- Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970/QĐ-BCT ngày 21/12/2016 quyết định về việc công bố định mức chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quyết định này, xây dựng móng của các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương với các công trình xây dựng dân dụng. Đối với các công trình đường dây tải điện cao áp thì phần móng chiếm tỷ trọng từ 30-40% giá trị xây lắp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp các công ty xây lắp điện giảm mạnh dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh bị giảm.
- Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty như: Năm 2022, tác động từ chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát và nguy cơ suy thoái kinh tế tại nhiều quốc gia khiến cầu tiêu dùng và đầu tư giảm mạnh; Giá cả nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào giữ xu hướng tăng, làm giảm sức cạnh tranh của của doanh nghiệp; Tiếp cận nguồn vốn khó khăn hơn khi nhiều tổ chức tín dụng đã hết "room" tăng trưởng tín dụng, trong khi diễn biến lãi suất và tỷ giá phức tạp hơn; Hiệu ứng "lây lan" từ khó khăn đối với doanh nghiệp bất động sản; đồng thời hoạt động xây lắp một số công trình tiếp tục bị vướng công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, vật tư chủ đầu tư cấp chậm và không đồng bộ, phụ thuộc vào tiến độ cắt điện, một số công trình bị trượt thời gian thi công so với kế hoạch ban đầu và giá dự toán các gói thầu xây lắp thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu rất thấp.

Trong năm 2022, Tổng Công ty tiếp tục đối mặt khó khăn từ việc Tòa án nhân dân sơ thẩm và phúc thẩm Tp Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam từ một giao dịch hợp tác hoạt động kinh doanh ngay tình hợp pháp cách đây hơn 10 năm, làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của VNECO trên thương trường và thị trường chứng khoán. Hiện tại Tổng Công ty đang làm các thủ tục để nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm; Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.

- Bên cạnh đó, sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành cũng ảnh hưởng nhất định đến công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm của Tổng Công ty trong những năm gần đây.

Công tác đấu thầu:

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã tham gia các gói thầu xây lắp, trúng được 14 công trình đường dây và TBA với giá trị hơn 840 tỷ đồng.

Các yếu tố tác động đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

Yếu tố Khách quan:

- Trình tự Thủ tục và thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư của Chủ đầu tư bị kéo dài, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, đồng thời ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm của VNECO.
- Yếu tố cạnh tranh: thực tế hiện nay VNECO đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện. Xu hướng phân chia các gói thầu lớn thành nhiều lô nhỏ, giảm tiêu chí năng lực trong đấu thầu do vậy rất nhiều nhà thầu đủ điều kiện để tham gia. Như trước đây, các dự án xây lắp điện 220kV, 500kV chỉ có rất ít nhà thầu lớn đủ năng lực tham gia đấu thầu, thì nay có nhiều nhà thầu đáp ứng đủ năng lực.
- Yếu tố chuyển dịch, thay đổi cơ cấu sản phẩm ngành xây lắp điện: Hiện nay sản phẩm ngành xây lắp điện rất đa dạng, ngoài các dự án là xây lắp đường dây trên không và Trạm biến áp đơn thuần thì còn các sản phẩm khác như Cáp ngầm, dây siêu nhiệt, trạm GIS,... xu hướng ngầm hóa các đường dây 22kV, 110kV, 220kV; thay thế TBA thông thường thành Trạm GIS tại các thành phố lớn; xu hướng xây lắp cải tạo nâng cấp công suất lắp TBA, lắp máy T2, Chống quá tải đường dây, thay dây đường dây cũ trong môi trường mang điện, cung cấp và lắp đặt cột đơn thân,... Nếu không chuẩn bị năng lực, nhân sự kịp theo xu hướng thị trường thì sẽ gặp khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề, dần sẽ mất năng lực trong đấu thầu cạnh tranh.
- Nhiều dự án năng lượng tái tạo được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia vào lĩnh vực này và đã có một số kết quả nhất định.

Yếu tố Chủ quan:

- Kỳ vọng lợi nhuận của một số dự án đấu thầu của VNECO đặt ra trước đấu thầu khá cao, đẩy giá dự thầu của VNECO lên cao, trong khi đối thủ cạnh tranh sẵn sàng giảm giá thấp để trúng thầu, do vậy làm giảm cơ hội trúng thầu của VNECO.
- Đối với các gói thầu PC hoặc EPC, phần vật tư (P) không phải là lợi thế của VNECO và phải chào giá qua bên thứ 3, do vậy rủi ro về lãi vay trả trước cho phần vật tư thiết bị sẽ đẩy giá thành lên cao, giảm tính cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.

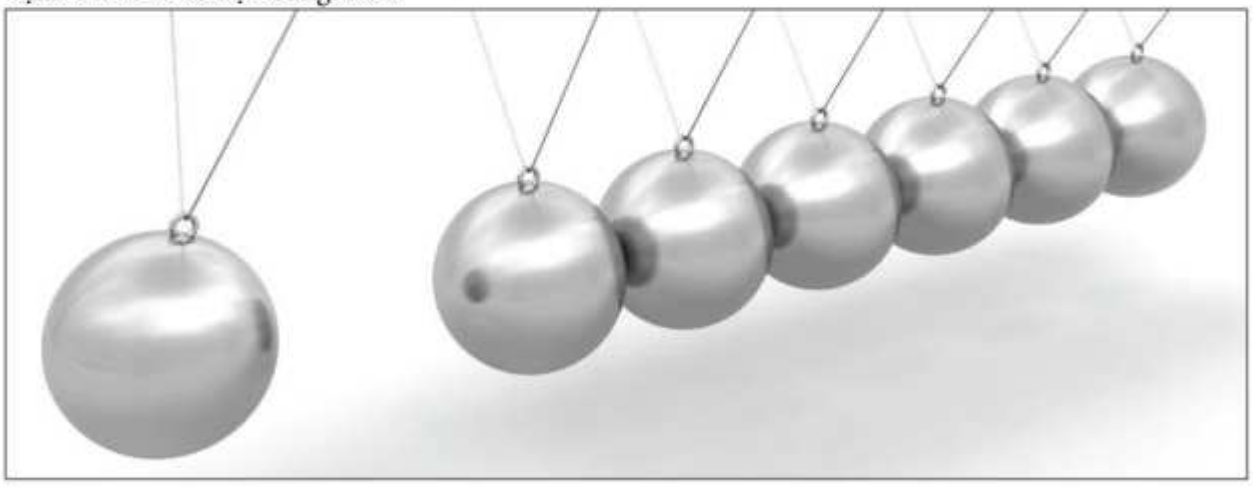

Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	2020	2021	2022	Thay đổi
I	Tổng tài sản	2.092.973	3.483.317	4.010.620	15,14%
1	Tài sản ngắn hạn	1.177.932	1.563.672	2.217.780	41,83%
2	Tài sản dài hạn	915.041	1.919.645	1.792.840	-6,61%
II	Nguồn vốn	2.092.973	3.483.317	1.431.299	15,14%
1	Nợ ngắn hạn	1.089.939	2.187.577	447.211	0,72%
2	Nợ dài hạn	9.086	271.952	3.788	184,25%
3	Vốn chủ sở hữu	993.948	1.023.788	980.300	1,03%

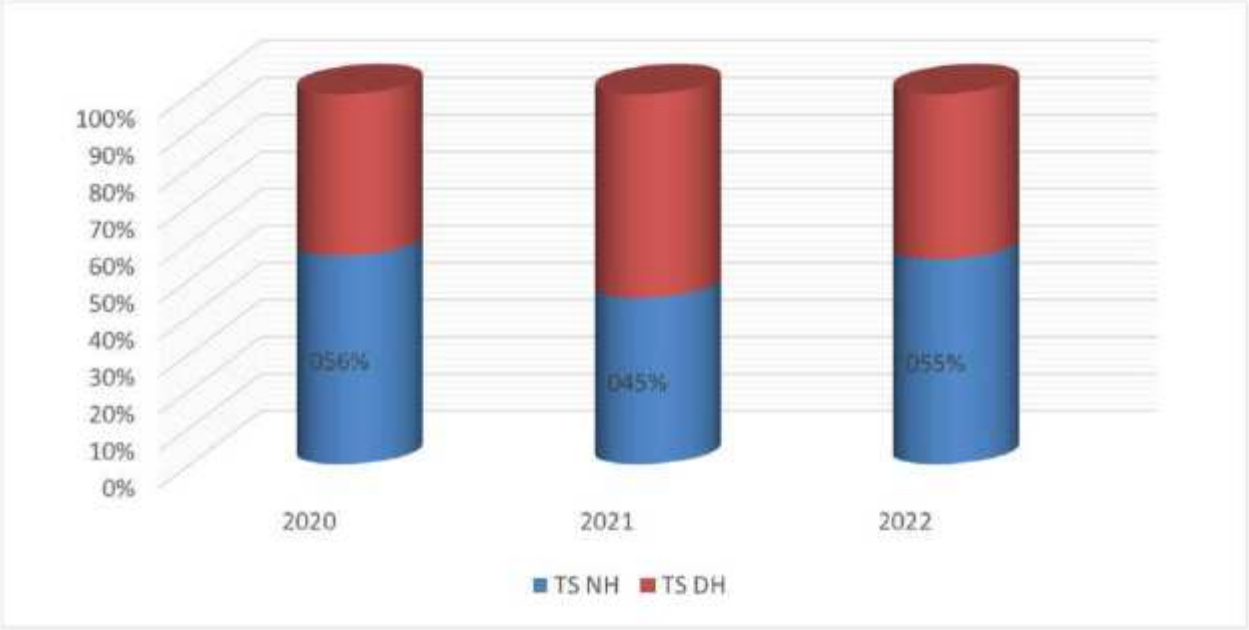

Tài sản

Tổng tài sản VNECO biến động lớn trong năm, theo đó tài sản ngắn hạn năm 2022 đạt 2.217,78 tỷ đồng, tăng 41,83% so với năm 2021, chiếm 55,30% tổng tài sản, cao hơn mức 44,89% năm 2021 và thấp hơn mức 56,28% năm 2020. .

TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2020	2021	2022
1	DTT/TTS	62,10%	57,39%	53,18%
2	DTT/TSNH	110,33%	127,84%	96,17%
3	DTT/TSND	142,03%	104,13%	118,97%
4	ROA	0,66%	0,29%	0,39%

Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn Tổng Công ty giai đoạn 2016-2019 duy trì mức ổn định và an toàn với tỷ tệ nợ dưới 40% tổng nguồn vốn (năm 2019 tỷ lệ nợ chiếm 31,51% tổng nguồn vốn). Năm 2020 tỷ lệ nợ là 52,51% tổng nguồn vốn, năm 2021 tỷ lệ nợ là 70,61% tổng nguồn vốn.

Tính đến cuối năm 2022, tổng nợ VNECO đạt 2.976,27 tỷ đồng tăng 21,01% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 74,03% trong cơ cấu nợ. Cơ cấu nợ ngắn hạn có sự thay đổi lớn với tỷ trọng tập trung vào chỉ tiêu phải trả người bán ngắn hạn (chiếm 29,31% nợ ngắn hạn và tăng 19,36% so với cùng kỳ năm 2021); người mua trả tiền trước ngắn hạn (chiếm 15,84% nợ ngắn hạn và tăng 43,75% so với cùng kỳ năm 2021). Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm 2022 đạt 1.087,29 tỷ đồng (chiếm 49,35% nợ ngắn hạn và tăng 61,05% so với cùng kỳ năm 2021); vay dài hạn trong năm 2022 đạt 595,25 tỷ đồng và phải trả người bán dài hạn tại 31/12/2022 là 168,04 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu năm 2022 đạt 1.034,35 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,03% so với cùng kỳ năm 2021.

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh công ty: Không đáng kể

Ảnh hưởng của lãi vay đến kết quả kinh doanh công ty: Với đặc thù kinh doanh ngành xây lắp điện nhu cầu vốn lớn, trong khi nguồn vốn giải ngân của chủ đầu tư tương đối chậm nên Tổng Công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn để xoay vòng vốn các công trình. Năm 2022, tỷ lệ nợ tăng đột biến (chiếm 74,21% tổng tài sản), trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2022 đạt 1087,29 tỷ đồng, tương đương mức 27,11% tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 595,25 tỷ đồng, tương đương 14,84% tổng tài sản. Tổng nợ vay chiếm 41,95% tổng tài sản và chiếm 186,05% vốn điều lệ. Chi phí lãi vay năm 2022 đạt 101,81 tỷ đồng, tăng 173,73% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tăng 64,62 tỷ đồng.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tái cấu trúc

Tổng Công ty thực hiện phân chia cơ cấu Ban điều hành trực tiếp chỉ đạo công việc thi công, giảm chồng chéo trong công việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm từng khối ng hiệp vụ: Chỉ đạo thi công các công trình miền Bắc, Trung, Nam; chỉ đạo công tác đấu thầu; chỉ đạo công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Ở cấp trung, Ban điều hành đã tập trung củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng chuyên môn hoá, tinh giản, gọn nhẹ, chú trọng khâu chỉ đạo, điều hành của các phòng, ban chuyên môn.

Đối với cấp CBNV, Ban điều hành thực hiện tuyển chọn đội ngũ lao động trẻ, vững chuyên môn, thợ lành nghề, nhất là có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tích cực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thi công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các biện pháp, xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Mặt khác, tuy có thế mạnh thương hiệu đơn vị uy tín hàng đầu trong nước về thi công lưới điện từ 110kV đến siêu cao áp 500kV, nhưng trong lĩnh vực xây lắp điện thời gian gần đây có sự cạnh tranh quyết liệt nên Tổng Công ty vừa phải nâng cao năng lực, tham gia đấu thầu các dự án, vừa phải mở rộng thị trường tới các điện lực địa phương, đồng thời chuyển dịch thêm năng lượng tái tạo để đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Áp dụng các phương thức quản lý hiện đại

Tổng Công ty đã nghiên cứu và đang vận hành theo mô hình đánh giá xếp loại CBNV từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên. Ban điều hành áp dụng nhiều phương pháp quản lý khác như báo cáo tuần, bảng mô tả nhiệm vụ và kế hoạch hành động... nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc.

Tổng Công ty thực hiện đào tạo và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ KH 2023/TH2022
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	2.920.650	1.280.759	2.250.322	196,78
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	102.300	6.443	27.504	426,88
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	1.404.330	904.330	1.445.296	155,29

(Kế hoạch năm 2023 sẽ được trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 để thông qua)

Biện pháp thực hiện kế hoạch:

* *Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp*

Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp đường dây và Trạm biến áp:

Hiện nay, các công trình đang thi công (36 công trình) và thi công xong đang quyết toán (4 công trình). Tổng Công ty quyết tâm chỉ đạo các công trình trọng điểm đảm bảo tiến độ đóng điện theo yêu cầu của Chủ đầu tư (Đz Hải Dương-Phố Nối, Huội Quảng-Nghĩa Lộ, Đz Nậm Sum-Nông Cống, Đz Krong Buk-Nha Trang, Đz Chơn Thành-Đức Hòa....)

- Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng: Phối hợp, bám sát chủ đầu tư triển khai giải quyết phần đền bù đất vĩnh viễn các vị trí, các khoảng cột dây còn vướng mắc, phối hợp cùng đơn vị thi công về vướng mắc đền bù thi công. Tăng cường năng lực đội ngũ làm công tác đền bù thi công, phối hợp tốt giữa Ban chỉ huy và đơn vị thi công để đảm bảo tiến độ và hiệu quả từng công trình.
- Đẩy mạnh tiến độ thi công trên các công trình: Thường xuyên đôn đốc kiểm soát cập nhật tiến độ thi công. Trên cơ sở đó cân đối đề xuất tăng giảm khối lượng, điều phối khối lượng giữa các đơn vị.
- Phối hợp, kiểm soát đơn vị hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu tránh những thiếu sót trong quá trình lập nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư, đảm bảo thời gian thanh toán ngắn nhất.
- Giải quyết thanh toán nội bộ, nghiệm thu đến đâu thanh toán đến đấy.
- Phối hợp kịp thời giải quyết vướng mắc, phát sinh của đơn vị.
- Định hướng xây dựng lực lượng cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm, xây dựng lực lượng thi công ở đơn vị (nhất là lực lượng công nhân trèo cao hiện rất yếu và thiếu).
- Cảnh báo và tham mưu kịp thời các công trình trọng điểm, dự phòng các rủi ro để có phương án dự phòng hợp lý, tránh bị động trong thi công.
- Củng cố, xây dựng đơn vị thành viên ngày càng mạnh, giao trọn gói khối lượng lớn thi công các công trình; Đầu tư các phương tiện máy móc chuyên ngành, nhân lực thi công chuyên nghiệp.
- Tăng cường đầu tư nhân lực, thiết bị, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ.

- Duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng truyền thống thuộc EVN, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới.
- Cảnh báo sớm công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời; để đảm bảo mục tiêu đóng điện theo yêu cầu chủ đầu tư, tạo uy tín của VNECO.
- Tăng cường giám sát về chất lượng, an toàn trên công trường, nhất là trong giai đoạn dựng cột, kéo dây và các giao chéo. Đảm bảo tiến độ, an toàn, tiết kiệm kinh phí.
- Quản lý tốt các vật tư, thiết bị trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, tính toán chính xác hợp lý vật tư chủ đầu tư cấp theo phạm vi công việc của đơn vị.

Đối với hoạt động xây lắp năng lượng tái tạo

- Trên cơ sở kết quả đạt được các năm trước, trang thiết bị máy móc hiện đại, kinh nghiệm đội ngũ cán bộ công nhân viên, Tổng Công ty tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm thị trường, đấu thầu, hợp tác với các chủ đầu tư để nâng cao tỷ trọng doanh thu xây lắp năng lượng tái tạo trong tổng doanh thu 2023 và các năm tiếp theo;
- Xây dựng lực lượng chuyên nghiệp để vận hành máy móc thiết bị triển khai thi công các công trình năng lượng tái tạo vì đây là lĩnh vực mới rất nhiều tiềm năng.

Đối với hoạt động thương mại

Thúc đẩy tăng cường hoạt động thương mại với mục tiêu doanh số, doanh thu năm sau cao hơn năm trước góp phần tăng doanh thu, tăng hiệu quả cho Tổng Công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Năm 2023, Tổng Công ty huy động tăng vốn chủ sở hữu nhằm đầu tư xây dựng nhà liền kề và khai thác 80 lô đất còn lại thuộc dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng, tỉnh TT Huế để tăng doanh thu, hiệu quả cho Tổng Công ty.

**** Đối với hoạt động kinh đầu tư các dự án***

Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo

Trên cơ sở kinh nghiệm và năng lực đầu tư dự án điện gió Thuận Nhiên Phong đã đạt được, Tổng Công ty tiếp tục tìm kiếm nguồn vốn, hoàn thiện các thủ tục dự án để được bổ sung quy hoạch sơ đồ điện VIII cho các dự án điện gió Ba Tầng ở Quảng Trị, dự án Lệ Thủy 3 ở Quảng Bình và một số dự án điện gió ở các địa phương khác để có cơ sở triển khai đầu tư trong thời gian tới.

Đầu tư các dự án bất động sản

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Tp. Huế

- Hoàn thiện phê duyệt pháp lý và triển khai dự án "trạm bơm và tuyến ống thu gom ngoài phạm vi hàng rào dự án"
- Triển khai thi công toàn bộ phần hạ tầng còn lại (cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải) nằm ngoài hàng rào dự án.
- Hoàn thành việc sửa chữa và bàn giao hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh.
- Hoàn thành nghiệm thu và bàn giao toàn bộ hạ tầng dự án - Thực hiện thủ tục cấp sổ 79 lô đất ở cho CĐT
- Triển khai thi công nhà thô và bán hàng 79 lô đất ở

- Sửa chữa văn phòng đại diện của VNECO tại dự án.
- Làm barrier gác chắn xe trọng tải lớn ra vào dự án - Khai thác cho thuê các lô đất CT3, CT4, D25

Dự án VNECO DC tại 64, 66 Hoàng Văn Thái, TP. Đà Nẵng

- Mua lô đất ở liền thửa để đủ điều kiện lập dự án
- Triển khai thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
- Hoàn thiện công tác đất đai - Phê duyệt quy hoạch phân khu - Thực hiện thỏa thuận phương án kiến trúc

Giải pháp chung về tài chính

- Thực hiện các giải pháp nhằm thu đủ 100% vốn phải thu thi công các công trình từ chủ đầu tư, kể cả các khoản phải thu năm 2022 chuyển qua và giá trị phát sinh trong năm 20232;
- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính tạo lập nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, đầu tư hiệu quả;
- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất HĐQT thực hiện tái cấu trúc một số tài sản hiện có, các khoản đầu tư tài chính theo hướng khai thác tối đa lợi thế của tài sản, các khoản đầu tư, bảo đảm phù hợp với điều kiện của Tổng Công ty trong thực tế hiện nay;
- Thực hiện tốt hơn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Tổng Công ty;
- Ưu tiên nguồn lực tài chính tiếp tục đầu tư trang máy móc, thiết bị nhằm đưa công nghệ mới vào thi công các công trình xây lắp điện, công trình năng lượng tái tạo;
- Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị;
- Tiếp tục và kiên trì thực hiện mọi biện pháp nhằm thúc đẩy khiếu nại theo hình thức Giám đốc thẩm vụ việc oan sai mà Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm TP. HCM buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho ngân hàng Xây dựng trong vụ án Hứa Thị Phấn và đồng phạm; Đây là điều kiện rất quan trọng để khơi thông nguồn vốn từ các tổ chức tài chính, ngân hàng cho VNECO vay để thực hiện các dự án đầu tư và kinh doanh trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Công tác tổ chức, quản trị công ty

- Đổi mới công tác quản lý, như: giao khoán khối lượng lớn, gắn trách nhiệm nhà thầu với chất lượng, tiến độ công trình; công khai, minh bạch, bình đẳng trong xây dựng đơn giá giao khoán, lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp... với mục tiêu giảm chi phí và tăng hiệu quả cho Tổng Công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện phương án tổ chức lại các phòng, ban và sắp xếp lại một số vị trí công tác từ Lãnh đạo đến cán bộ hợp lý hơn; Đổi mới, áp dụng phương án tổ chức, điều hành thi công theo mô hình tổ chức Ban chỉ đạo, chỉ huy trưởng công trình, giao quyền và trách nhiệm rõ ràng cho chỉ huy trưởng công trình;
- Đã kiện toàn lại đội ngũ nhân sự làm công tác đấu thầu theo hướng linh hoạt, hiệu quả; Tổ chức lại lực lượng thi công xây lắp tinh nhuệ đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ quan trọng, kỹ thuật phức tạp trên các công trình, dự án;
- Đã kịp thời điều chỉnh, ban hành một số chính sách về lương thưởng, thu nhập nhằm động viên khuyến khích, tạo sự an tâm cho CBNV làm việc, đóng góp xây dựng VNECO.

Xây dựng mối quan hệ trong tổ hợp và các đối tác

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng Công ty với các đơn vị trong Tổ hợp, phối hợp tốt trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm. Chỉ đạo nhằm tăng cường tính chủ động của các đơn vị đối với các công trình trọng điểm, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Tổng Công ty tiếp tục phối hợp, hợp tác với các đơn vị ngoài Tổ hợp nhằm mong muốn được đồng hành và chia sẽ khó khăn của các đối tác với mục tiêu cùng có lợi, cùng chia sẻ;
- Hỗ trợ về công tác quản trị, công tác thông tin thị trường và các mặt hoạt động đối với các đơn vị trong tổ hợp nhằm tối ưu hóa các mặt hoạt động, kinh doanh

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

(xem Phần 3 Báo cáo môi trường xã hội)

PHẦN V
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Để vượt qua các khó khăn, thách thức, đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch sẽ định hướng được tương lai phát triển của ngành điện; định lượng các giá trị mục tiêu cung cấp điện; xác định quy mô, tiến độ và phân bổ không gian của các công trình nguồn điện, lưới điện và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

Theo quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021-2030 tổng vốn đầu tư lưới điện dự kiến khoảng 761.964 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Tuy nhiên Quyết định 4970/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/12/2016 quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của các đơn vị trong ngành nói chung và VNECO nói riêng, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp đạt rất thấp so với các năm trước.

Với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV và định hướng dịch chuyển trong cơ cấu ngành nghề, năm 2022 tổ hợp VNECO đạt 2.132,86 tỷ đồng doanh thu và 14,47 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế; Công ty mẹ đạt 1.260,42 tỷ đồng doanh thu và 6,44 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế; chỉ tiêu doanh thu và thu nhập đạt 43,85% và lợi nhuận sau thuế đạt 6,20% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đặt ra.

Trong năm 2022, mọi hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Năm 2022, Hội đồng quản trị vẫn luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các định hướng và chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn của nền kinh tế và của ngành, kết quả kinh doanh chưa đạt được kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2022 thông qua;

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Năm 2022, HĐQT đã tổ chức kỳ họp thường niên năm 2022 của ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

HĐQT đã quản lý, giám sát, thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT thông qua các hình thức:

- Công tác báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022, triển khai thực hiện chiến lược phát triển Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025;
- Theo dõi, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, năm 2022 và các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra; Giám sát công tác Báo cáo tài chính năm 2021, BCTC quý, 6 tháng, năm 2022; Giám sát công tác điều hành hàng ngày, triển khai các thủ tục đầu tư các dự án theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, công tác tổ chức thi công các công trình trọng điểm đối với lĩnh vực xây lắp các công trình đường dây, trạm biến áp điện, đảm bảo tiến độ đóng điện bàn giao công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, phương án sử dụng vốn, công tác kiểm toán và hoạt động đầu tư các dự án của Tổng Công ty; Theo dõi công tác thu xếp nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty;
- Theo dõi, chỉ đạo công tác tổ chức các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng Công ty và giám sát việc triển khai hoạt động các công ty con, công ty liên kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT. Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2022;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý của Tổng Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc. Áp dụng thông lệ quản trị công ty theo những cách thức tốt nhất nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của cổ đông và người lao động công ty.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Triển khai định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025 của VNECO. Năm 2023, Tổng Công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động trên một số lĩnh vực sau: Xây lắp đường dây, trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện; Xây lắp dự án nhà máy điện gió, điện mặt trời; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, công trình công nghiệp, dân dụng; Triển khai đầu tư một số dự án nhà máy năng lượng tái tạo; Đầu tư, khai thác các dự án bất động sản và triển khai hoạt động thương mại.

Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh, thống nhất các chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch kinh doanh năm 2023. Trong năm 2023, Tổng Công ty tập trung thi công khối lượng các công trình chuyển tiếp từ năm 2022 và các công trình, dự án mới như: Đz 220kV NĐ Hải Dương - Trạm 500kV Phố Nối (G15); Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (G15); TBA 220kV Bá Thiện (G11); Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (G2 & G4); Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 5, gói 6); Đz 220kV Nậm Sum - Nông Cống; Đz 220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (G9 & G10); Đz 220kV Krông Buk - Nha Trang mạch 2 (gói 11, gói 12, gói 13.1); TBA 220kV Phước Thái, TBA 220kV Tam Phước: Đz 220kV Đấu nối TBA 500kV Long Thành; Đz 500kV Chơn Thành - Đức Hòa; Đz 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam vào Đz 500kV NĐ Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân; TBA 500kV Vĩnh Yên và Đz đấu nối; Đz & TBA 110kV Sơn Nam; TBA 110kV Bảo Ninh và đấu nối; Đz 110, 220kV Phía Tây Hà Tĩnh; Đz & TBA 110kV Lộc Hà; Cụm Đz & TBA 220kV Cà Mau, TBA 500kV Thốt Nốt (G5 & G6); Đz 500kV Ô Môn - Thốt Nốt (G9).... để đạt được mục tiêu đóng điện theo yêu cầu của chủ đầu tư, nhằm tạo uy tín của VNECO trên thị trường và các dự án án năng lượng tái tạo khác khác...;

Hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty và cả tổ hợp VNECO trong những năm tiếp theo, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xác định chiến lược của Tổng Công ty là lựa chọn để đầu tư một số dự án trọng điểm về nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, đẩy mạnh lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo, dự án kinh doanh bất động sản; mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, nhằm từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp các công trình điện truyền thống.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị của tổ hợp VNECO, năm 2023, Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản lý theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành của Tổng Công ty và thực hiện giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tổ hợp VNECO, đảm bảo tối đa lợi ích cho cổ đông.

.

PHẦN VI
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 80

Ban kiểm soát 85

Thù lao HĐQT, BKS 89

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	30/06/2020
2	Ông: Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	30/06/2020 23/02/2023
3	Ông: Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	30/06/2020 06/04/2023
4	Ông: Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thành viên HĐQT Kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty	30/06/2020 23/02/2023
5	Ông: Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	30/06/2020

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 15/3/1975
Trình độ chuyên môn: Thạc Sỹ Kế toán Quốc tế
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 3.844.810 cp phần - tỷ lệ 4,25% vốn điều lệ

2000 - 2005	Kiểm toán viên Công ty kiểm toán Việt Nam (nay là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)
2005 - 2018	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM Thành viên hãng Moore Quốc tế
2018 - 2019	Tổng giám đốc Công ty CP Điện gió Hồng Phong 1
2018 - đến nay	Chủ tịch HĐTV - Công ty TNHH Kiểm toán Kroize
30/6/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Cần -Phó chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)
(xem mục Ban điều hành)

Ông Nguyễn Tịnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025) kiêm Tổng Giám đốc
(xem mục Ban điều hành)

Ông Đào Ngọc Quỳnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 01/9/1968
Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Điện tử
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

1989 - 1994	Cán bộ kỹ thuật Công xây dựng số 25 - Tổng công ty xây dựng sông Hồng
1999 - 2009	Giám đốc công ty dịch vụ XNK BRNO - Cộng hòa Séc
2010 - 2015	TV HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty CP Giải pháp công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam
2016 - 2018	TV HĐQT Công ty CP dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long
2017 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Tập đoàn Trí Tuệ Việt
30/6/2020 - 06/04/2022	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam
06/04/2022 - nay	Phó chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam

Ông ĐÀO NGỌC QUỲNH
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Phú Mai - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Ông PHẠM PHÚ MAI
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 20/2/1976
Trình độ chuyên môn: Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

1999 - 2020	Giám đốc điều hành Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (TID)
30/6/2020 - nay	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

**Tiểu ban HĐQT - HDQT sẽ xem xét thành lập các tiểu ban khi cần thiết

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2022, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty đã tổ chức 09 cuộc họp. Trong đó 08 lần tổ chức họp và 01 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT, với thành phần tham gia như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
	Danh sách Thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025				
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	30/6/2020	8/8	100%	
2	Ông: Trần Quang Cẩn	30/6/2020	8/8	100%	
3	Ông: Phạm Phú Mai	30/6/2020	8/8	100%	
4	Ông: Đào Ngọc Quỳnh	30/6/2020	7/8	88%	Chỉ đạo thi công công trình trọng điểm
5	Ông: Nguyễn Tịnh	30/6/2020	8/8	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2020 CỦA HĐQT

TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04 QĐ/VNECO -HĐQT	09/03/2022	Về ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
2	06 NQ/VNECO -HĐQT	14/03/2022	V/v Thành lập Ban an ninh - an toàn	100%
3	07 QĐ/VNECO -HĐQT	14/03/2022	V/v Bổ nhiệm Trưởng ban An ninh - An toàn	100%
4	08 QĐ/VNECO -HĐQT	22/03/2022	V/v Thoái toàn bộ vốn VNECO đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	100%
5	11 QĐ/VNECO -HĐQT	06/04/2022	V/v Thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2022	100%
6	12 QĐ/VNECO -HĐQT	06/04/2022	V/v Bổ nhiệm ông Đào Ngọc Quỳnh - Thành viên HĐQT, giữ chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT	100%
7	14 QĐ/VNECO -HĐQT	06/04/2022	Về việc điều chỉnh mức lương đối với Tổng Giám đốc, kế toán trưởng	100%
8	17 QĐ/VNECO -HĐQT	20/05/2022	V/v Ban hành quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với cán bộ	100%

TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	18 QĐ/VNECO -HĐQT	21/06/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	100%
10	23 QĐ/VNECO -HĐQT	03/08/2022	V/v công tác chuẩn bị một số thủ tục liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng căn hộ chung cư thương mại và khu thương mại dịch vụ tại số 64 - 66 đường Hoàng Văn Thái, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo Nghị quyết số 01/2022 NQ/VNE-CO-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ;	100%
11	24 QĐ/VNECO -HĐQT	26/10/2022	V/v công tác chuẩn bị một số thủ tục liên quan đến các lô đất thuộc Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng, TP Huế- TT Huế theo Nghị quyết số 01/2022 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông;	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2022, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia các cuộc họp HĐQT là Ông Nguyễn Anh Tuấn (tham gia 8/8 cuộc họp); Ông Phạm Phú Mai (tham gia 8/8 cuộc họp); Ông Đào Ngọc Quỳnh (tham gia 8/8 cuộc họp)..

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Chủ tịch, Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác của Công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định và đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Chủ tịch HĐQT đã nhận Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia; Trưởng Ban kiểm soát là Kiểm toán viên, Kế toán cao cấp…

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty; tham gia các khóa tập huấn/hội thảo do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khoá đào tạo do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào thời điểm phù hợp.

BAN KIỂM SOÁT CƠ CẤU THÀNH VIÊN VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH

TT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày Miễn nhiệm
	Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025			
1	Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban kiểm soát	30/06/2020	
2	Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên ban kiểm soát	30/06/2020	
3	Ông: Lê Chí Dũng	Thành viên ban kiểm soát	30/06/2020	29/04/2022
3	Bà: Nguyễn Thị Như	Thành viên ban kiểm soát	29/04/2022	

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Trưởng Ban Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Năm sinh: 18/02/1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên cấp Nhà nước, chứng chỉ Kế toán trưởng
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

3/1992 - 4/1995	Trợ lý Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Việt Nam
5/1996 - 2/2001	Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam
3/2005 -12/2008	Kế toán cao cấp - Công ty Comvik International Việt Nam AB
01/2009 - 12/2014	Chuyên viên dịch vụ chuyển Vùng Quốc tế - Trung tâm điện thoại di động
01/2015 - 6/2017	Trưởng Đại diện Phụ trách Khu vực phía Nam - Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
7/2017 đến nay	Trưởng Đại diện Việt Nam - Hiệp hội kế toán Quản trị Công chứng Anh Quốc CIMA-CGMA
30/06/2020 đến nay	Giám đốc Tài chính - Công ty Di lịch Malblue Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 25/11/1983
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 20 cổ phần

10/2005 - 6/2006	Chuyên viên phân tích tài chính Công ty CP chứng khoán TP HCM
7/2006 - 2/2007	Kế toán quản trị Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk)
3/2007 - 4/2008	Chuyên viên tư vấn khối Tài chính DN và Bảo lãnh phát hành tại Công ty CPCK Việt Quốc
4/2008 - 5/2010	Chuyên viên tư vấn Tài chính DN Công ty CP chứng khoán Nhất Việt (VFS)
8/2010 - 2/2017	Phó Giám đốc tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí
5/2017 - 2/2018	Trưởng phòng tư vấn Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
3/2018 đến nay	Giám đốc tư vấn Công ty TNHH Kiểm toán Kroize
30/6/2020 đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Như - Thành viên Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN THỊ NHƯ
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Như
năm sinh: 05/05/1987
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 6.100 cổ phần

Thời gian	Vị trí
9/2010-6/2016	Chuyên viên P.KT-KH - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
7/2016-6/2018	Chuyên viên P.Đấu thầu - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
7/2018-4/2021	Chuyên viên P.NLTT - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
5/2021-đến nay	Phó phòng P.Phát triển thị trường - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
29/04/2022-đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Tổng Công ty, chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Giám sát quá trình triển khai, thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị và thực thi kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty;
- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định hiện hành của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Giám sát thực hiện dự án đầu tư; các hợp đồng, giao dịch mua, bán; các hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác…;
- Kiểm tra sổ sách kế toán, tính hợp pháp trong việc ghi chép, hạch toán kế toán và lập Báo cáo Tài chính, các tài liệu khác của Tổng công ty; Thẩm tra Báo cáo Tài chính năm 2021 và các quí năm 2022;
- Báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát năm 2022, trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2022;
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty thông qua Báo cáo Tài chính và báo cáo định kỳ của HĐQT, Ban Điều hành trong năm 2022.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát chủ động, phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Các cuộc họp HĐQT năm 2022, thành viên Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến trong việc triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh, đầu tư phát triển và các quyết định khác trong công tác quản lý, điều hành của Tổng Công ty;
- HĐQT, Ban Điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Kiểm soát và sẵn sàng cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đảm bảo quy trình quản trị Tổng Công ty và minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2022, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và trực tiếp tiếp cận các dự án trọng điểm của Tổng Công ty. Thông qua đó, xem xét đánh giá tính hiệu quả của dự án, của việc sử dụng nguồn vốn tự có, vốn vay trong thời hạn ngắn, trung và dài hạn.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỉ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
	Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025				
1	Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	2/2	100%	100%	
2	Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	2/2	100%	100%	
3	Ông: Lê Chí Dũng	1/2	50%	100%	Miễn nhiệm ngày 29/04/2023
4	Bà: Nguyễn Thị Như	1/2	50%	100%	Bổ nhiệm ngày 29/04/2023

GIAO DỊCH, THÙ LAO HĐQT, BĐH, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
	Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025				
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	725.500.000		725.500.000
2	Ông Trần Quang Cấn	Thành viên HĐQT không độc lập, Phó CT HĐQT	84.000.000		84.000.000
3	Ông Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	89.000.000		89.000.000
4	Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó CT HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	346.875.000		346.875.000
5	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc	84.000.000		84.000.000
	Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2020-2025)				
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban Kiểm soát	286.250.000		286.250.000
2	Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	53.000.000		53.000.000
3	Ông Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	16.000.000		16.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	32.000.000		32.000.000
	Ban điều hành				
1	Ông Trần Quang Cấn	Cựu Tổng Giám đốc	-	712.119.381	712.119.381
2	Ông Nguyễn Tịnh	Tân Tổng Giám đốc	-	484.912.000	484.912.000
3	Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	484.912.000	484.912.000
4	Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	-	484.760.000	484.760.000
5	Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	484.115.000	484.115.000
6	Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	-	427.939.000	427.939.000
	TỔNG CỘNG		1.716.607.000	3.074.757.381	4.791.364.381

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của Tổng Công ty trong năm 2022

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Trần Quang Cẩn	Tổng Giám đốc; Thành viên HĐQT	4.300.000	5,25	7.100.000	8,67	Mua CP VNE
2	Công ty CP MALBLUE	Ông: Nguyễn Anh Tuấn- Chủ tịch HĐQT VNE là Chủ tịch HĐQT Công ty MALBLUE	4.073.400	4,50	11.103.400	12,28	Mua CP VNE
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Ông: Trần Văn Huy- Phó TGĐ VNECO là Chủ tịch VNECO4	124.892	0,15	144.892	0,177	Mua CP VNE

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- Năm 2022, Tổng Công ty không có phát sinh giao dịch liên quan đến các thành viên chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng) và người có liên quan. Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch trong tổ chức thi công xây dựng các công trình điện với các công ty con, công ty liên kết, cụ thể: Phụ lục 1;

- Đối với các giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, công ty liên kết trong Tổ hợp VNECO chủ yếu về hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả Tổ hợp VNECO. Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO thực hiện đúng theo quy chế quản lý, quản trị công ty, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy định của Luật doanh nghiệp.

- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: không có.

- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

+ Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Phụ lục 2;

+ Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có;

+ Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam luôn tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ công ty

Phụ lục 1: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2021	Ghi chú
1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 3	Công ty con	2703000200 NC: 20-11-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	P. Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022	Nghị quyết số 26 NQ/VNECO-HĐQT ngày 31-7-2017 về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với C.ty con, C.ty liên kết trong tổ hợp VNECO và quy định của Điều lệ Tổng Công ty	- Các khoản phải thu trong kỳ: 671.561.052 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 21.882.938.643 đồng	Các giao dịch giữa TCty với Cty con và Cty liên kết trong tổ hợp Vneco chủ yếu là các hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả tổ hợp Vneco. Số liệu được thể hiện rõ và chi tiết trên Báo cáo tài chính
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 4	Công ty con	2703000185 NC: 31-10-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	197, Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022		- Các khoản phải thu trong kỳ: 0 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 21.075.486.389 đồng	
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 8	Công ty con	4003000031 NC: 19-11-2003 Sở KH và ĐT Đăk Lăk	10 Đào Duy Từ, TP Buôn Mê Thuột, Đắc Lắc	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022		- Các khoản phải thu trong kỳ: 649.361.205 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 10.968.626.249 đồng	
4	Công ty cổ phần XD điện VNECO 12	Công ty con	2903000041 NC: 01-08-2005 Sở KH&ĐT Quảng Bình	Tiểu khu 7, Bắc Lý, Đồng Hới, QB	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022		- Các khoản phải thu trong kỳ: 9.510.785.920 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 63.409.554.824 đồng	
5	Công ty TNHH MTV VNECO miền Trung	Công ty con	0401801575 NC: 24-11-2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư TP ĐN	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022		- Các khoản phải thu trong kỳ: 1.832.999.147 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 11.764.046.979 đồng	
6	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong1	Công ty con	3401132231 NC:05-08-2016 Sở KH&ĐT Bình Thuận	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021		- Các khoản phải thu trong kỳ: 44.671.823.248 đồng	
7	Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng	Công ty con	3401157324 NC:01-11-2017 Sở K.hoạch & Đầu tư Bình Thuận	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 0 đồng	
8	Công ty CP Năng lượng VNECO	Công ty con	0402056588 NC: 04-08-2020 Sở K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP Đà Nẵng	Chưa phát sinh giao dịch	Nghị quyết số 26 NQ/VNECO-HĐQT ngày 31-7-2017 về việc thông qua chủ	- Chưa phát sinh giao dịch	Các giao dịch giữa TCty với Cty con và Cty liên kết trong tổ

Phụ lục 2: Giao dịch giữa công ty với đối tượng khác (Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên HĐQT)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với TCty	Số giấy NSH	Địa chỉ	Giao dịch với công ty từ năm 2020 đến nay	Ghi chú
1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 3	- Công ty con; - Ông Võ Thành Lương, Trưởng phòng PTTT Tổng Cty là Chủ tịch HĐQT Công ty	2900576216 NC: 20-11-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	P. Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2020 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2020, 2021 và năm 2022	
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 4	- Công ty con; - Ông: Trần Văn Huy, Phó TGĐ Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty	2900574674 NC: 17-05-2011 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	Số 197, Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2020 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2020, 2021 và năm 2022	
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 8	- Công ty con; - Ông: Lê Văn Khôi, Phó TGĐ Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty	4003000031 NC:19-11-2003 Sở KH và ĐT Đăk Lăk	Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Mê Thuột, Đắc Lắc	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2020 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2020, 2021 và năm 2022	
4	Công ty cổ phần XD điện VNECO 12	- Công ty con; - Ông: Nguyễn Tịnh, TGĐ Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty	3100320136 NC: 01-08-2005 Sở KH&ĐT Quảng Bình	Tiểu khu 7, Bắc Lý, Đồng Hới, QB	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2020 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2020, 2021 và năm 2022	
5	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	- Công ty con; - Ông: Trần Quang Cần, Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch HĐTV Công ty	3401132231 NC:05-08-2016 Sở KH&ĐT Bình Thuận	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2020 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2020, 2021 và năm 2022	
6	Công ty CP Năng lượng VNECO	- Công ty con: Ông: Trần Quang Cần, Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty	0402056588 NC: 04-08-2020 Sở K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ chí Minh, Việt Nam	Chưa phát sinh giao dịch	
7	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	- Công ty con: - Ông: Đào Ngọc Quỳnh, Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch HĐTV Công ty	0108780468 NC:12-06-2019 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021 và năm 2022	
8	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	- Công ty con: - Ông: Trần Quang Cần, Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch HĐTV Công ty	0402082482 NC 04/02/2021 Sở K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021 và năm 2022	

PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 403 TB/VNECO-TCKT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 03/04/2023 tại địa chỉ website: https://www.vneco.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VNECO;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 55

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 06/04/2022)
Ông Trần Quang Cần	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Phạm Phú Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật tại ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty là Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Nguyễn Tịnh – Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0400101450 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 04 năm 2023

ECOVIS AFA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD
142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 I Fax: +84 236 363 3338 I Email: info@ecovis.com.vn

Số: 254/2023/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 01 tháng 04 năm 2023 từ trang 05 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả việc Công ty CP Thương Mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, nghiệm thu và tiếp tục thực hiện phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Điện Hải Xuân VNECO, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Căn cứ vào hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022, Tổng Công ty và Công ty CP Thương Mại REENIZE đã thống nhất tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND. Đồng thời Tổng Công ty ghi giảm giá trị phải thu khách hàng của ba đối tượng trên với giá trị là 64.398.171.902 VND và giảm giá trị dự phòng đã trích lập, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp tương ứng với số tiền là 53.550.041.973 VND.

2. Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 9 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.

   Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Phạm Quang Trung	**Nguyễn Hà Định**
Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1334-2023-240-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2883-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 04 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.618.746.914.203**	**1.103.279.990.550**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**76.522.852.528**	**37.963.211.414**
1. Tiền	111		64.082.852.528	37.963.211.414
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.440.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**4.2**	**25.926.000.000**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.926.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.063.811.167.178**	**938.642.672.478**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	623.812.268.024	639.052.311.896
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	182.837.645.501	208.657.209.805
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	131.652.032.740	105.457.360.262
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	136.999.220.913	42.494.323.979
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(11.490.000.000)	(57.018.533.464)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**354.123.319.117**	**50.836.159.168**
1. Hàng tồn kho	141	4.8	354.123.319.117	50.836.159.168
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**98.363.575.380**	**75.837.947.490**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	89.516.942	163.020.142
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		98.254.910.156	75.674.927.348
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.17	19.148.282	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.222.672.789.588**	**1.276.666.641.942**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**3.348.005.261**	**6.143.528.791**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	3.318.005.261	5.143.528.791
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.5	-	1.000.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	30.000.000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**260.087.808.756**	**287.055.859.612**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	229.105.565.920	255.665.690.821
Nguyên giá	222		344.528.993.922	341.730.043.046
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.423.428.002)	(86.064.352.225)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	30.982.242.836	31.390.168.791
Nguyên giá	228		35.236.666.848	35.236.666.848
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.254.424.012)	(3.846.498.057)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**222.760.124.834**	**222.390.124.834**
1. Nguyên giá	231	4.12	222.760.124.834	222.390.124.834
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**155.770.721.243**	**154.347.238.308**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.13	78.922.717.234	78.426.736.782
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.14	76.848.004.009	75.920.501.526
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**4.2**	**578.778.429.252**	**603.508.782.167**
1. Đầu tư vào công ty con	251		527.443.464.792	527.443.464.792
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	8.854.100.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	30.823.058.160
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.668.843.700)	(4.017.840.785)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		23.180.000.000	40.406.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.927.700.242**	**3.221.108.230**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.743.941.423	3.037.349.411
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		183.758.819	183.758.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.841.419.703.791**	**2.379.946.632.492**

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.826.718.230.935**	**1.369.472.494.991**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.607.456.785.202**	**1.099.459.998.672**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.15	397.355.237.059	278.486.399.263
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.16	331.767.867.992	216.340.061.842
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.17	4.251.452.587	5.885.941.029
4. Phải trả người lao động	314		4.597.690.300	5.424.495.265
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.18	28.328.994.697	102.726.446.397
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.19	431.548.252	583.961.209
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.20	3.251.143.365	3.500.949.452
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.22	833.939.631.597	484.333.520.266
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.21	1.223.374.583	1.223.374.583
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.309.844.770	954.849.366
II. Nợ dài hạn	**330**		**219.261.445.733**	**270.012.496.319**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.15	168.035.113.089	219.083.970.491
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.16	8.742.072.242	8.742.072.242
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.19	386.516.492	818.064.745
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.22	42.097.743.910	41.368.388.841
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**4.23**	**1.014.701.472.856**	**1.010.474.137.501**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**1.014.701.472.856**	**1.010.474.137.501**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.522.600.000	2.522.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(86.919.236.536)	(86.919.236.536)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.442.518.783	172.215.183.428
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		169.998.666.024	127.884.835.349
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.443.852.759	44.330.348.079
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.841.419.703.791**	**2.379.946.632.492**

Nguyễn Anh Tuấn	**Phạm Đỗ Minh Triết**	**Phạm Đỗ Minh Triết**
Chủ tịch Hội đồng quản trị	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 04 năm 2023

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.260.415.005.413	1.803.546.043.424
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.260.415.005.413	1.803.546.043.424
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.212.002.748.903	1.699.554.269.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.412.256.510	103.991.774.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	19.972.495.834	7.137.728.030
7. Chi phí tài chính	22	5.4	59.589.145.259	22.240.500.547
Trong đó, chi phí lãi vay	23		*49.698.838.547*	*27.949.605.359*
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	(5.831.981.239)	34.055.197.454
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.627.588.324	54.833.804.402
12. Thu nhập khác	31	5.6	342.489.449	512.681.434
13. Chi phí khác	32	5.7	2.314.740.476	590.465.583
14. Lợi nhuận khác	40		(1.972.251.027)	(77.784.149)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.655.337.297	54.756.020.253
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	6.211.484.538	10.380.301.596
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	45.370.578
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.443.852.759	44.330.348.079

Nguyễn Anh Tuấn	**Phạm Đỗ Minh Triết**	**Phạm Đỗ Minh Triết**
Chủ tịch Hội đồng quản trị	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 04 năm 2023

Mẫu B 03-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		1.405.455.789.681	1.895.132.587.221
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(1.684.031.799.415)	(1.832.560.191.170)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.561.954.321)	(25.364.605.992)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(47.975.907.643)	(27.467.281.839)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7.747.826.339)	(688.396.027)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		193.280.657.304	203.192.933.158
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(113.833.527.115)	(141.064.375.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(282.414.567.848)**	**71.180.670.200**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.262.137.140)	(73.156.545.967)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(207.504.150.489)	(157.060.813.008)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		175.597.663.497	13.029.500.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	(92.931.184.792)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5.853.350.000	1.850.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.490.366.589	898.149.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(29.724.907.543)**	**(307.370.294.634)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.582.966.788.086	1.097.604.292.992
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.232.263.840.718)	(907.337.833.158)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.826.650)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**350.699.120.718**	**190.266.459.834**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**38.559.645.327**	**(45.923.164.600)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37.963.211.414	83.886.862.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.213)	(486.660)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**70**		**76.522.852.528**	**37.963.211.414**

M.S.D.N: 0400101460 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Nguyễn Anh Tuấn	**Phạm Đỗ Minh Triết**	**Phạm Đỗ Minh Triết**
Chủ tịch Hội đồng quản trị	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 04 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101450 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 02 năm 2023.

Tổng Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 86/QĐ-TTGDCK ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VNE. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán VNE là ngày 09 tháng 08 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 904.329.530.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 176 (31 tháng 12 năm 2021 là: 149).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng; Xây dựng hệ thống cáp ngầm cấp điện áp đến 220KV;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác; Bán buôn thiết bị văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái; Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây dựng các công trình, các nhà máy điện gió, điện mặt trời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
	Công ty con:				
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3, P. Trung Đô, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	52,93%	52,93%	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	54,73%	54,73%	54,73%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk	55,93%	55,93%	55,93%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	65,73%	65,73%	65,73%
5.	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
6.	Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
7.	Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%
8.	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Số 132 Cao Đức Lân, P. An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%
9.	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%
10.	Công ty Cổ phần VNECO - RME	Số 99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	37,97%	51,00%
11.	Công ty Cổ phần năng lượng VNECO	Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	0,00%	0,00%

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	40,06%	40,06%	40,06%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
	Đơn vị trực thuộc	
1.	Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
2.	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
3.	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN miền Bắc	Số 10A15 Đầm Trấu, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập riêng cho Tổng Công ty và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản cho vay khó đòi. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Tổng Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2022	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 10	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10	năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng...Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

3.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho dự án chuyển nhượng bất động sản; khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Tổng Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.20 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.

- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.
Xem thêm mục 7

3.26. Các bên liên quan

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi

lịch kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2022 VND	Ngoại tệ	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt tại quỹ		2.383.405.981		1.693.554.988
VND		*2.383.405.981*		*1.693.554.988*
Tiền gửi ngân hàng		61.699.446.547		36.269.656.426
+ VND		*61.697.385.241*		*36.181.202.385*
+ USD	*87,03 #*	*2.061.306*	*3.900,09 #*	*88.454.041*
Các khoản tương đương tiền		12.440.000.000		-
Cộng		**76.522.852.528**		**37.963.211.414**

Các khoản tương đương tiền đang được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/242753/HĐBĐ ngày 12/07/2022.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.926.000.000	25.926.000.000	-	-
Cộng	**25.926.000.000**	**25.926.000.000**	**-**	**-**
Dài hạn:				
Trái phiếu BIDV (**)	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000	23.180.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	17.226.000.000	17.226.000.000
Cộng	**23.180.000.000**	**23.180.000.000**	**40.406.000.000**	**40.406.000.000**

(*) Tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng số 265072216 ngày 16/08/2022, kỳ hạn: 184 ngày , số tiền: 3.000.000.000 VND, lãi suất 5,7%/năm.
+ Hợp đồng số 908/2022/36765/HĐTG, kỳ hạn: 06 tháng, số tiền: 5.700.000.000 VND, lãi suất 5,7%/năm.
+ Hợp đồng số 199/2021/242753/HĐTG, kỳ hạn: 24 tháng, số tiền: 7.842.000.000 VND, lãi suất 4,9%/năm.
+ Hợp đồng số 025/2021/242753/HĐTG, kỳ hạn: 23 tháng, số tiền: 9.384.000.000 VND, lãi suất: 2,9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(**) Trái phiếu Ngân hàng BIDV bao gồm:

+ Mã trái phiếu BIDLH2128016, có mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, số lượng: 20 trái phiếu, ngày phát hành: 16/07/2021, kỳ hạn 7 năm, lãi suất áp dụng cho kỳ trả lãi từ 16/7/2022 đến 16/7/2023 là 6,18%/năm.
+ Mã trái phiếu BID2_19.05, có mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, số lượng: 318 trái phiếu, ngày phát hành: 26/09/2019, kỳ hạn 10 năm, lãi suất áp dụng cho kỳ trả lãi từ 26/09/2022 đến 26/09/2023 là 6,9%/năm.

Trái phiếu Ngân hàng BIDV và các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang được thế chấp để đảm bảo thanh toán L/C trả chậm của dự án "Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ lắp dựng Turbine điện gió" của Tổng Công ty.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con:						
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3 (*)	6.985.720.000	-	6.007.719.200	6.985.720.000	-	9.989.579.600
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4 (*)	5.192.580.000	-	48.946.374.000	5.192.580.000	-	34.206.201.600
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (*)	9.746.980.000	(2.751.386.264)	4.832.683.200	9.746.980.000	-	10.672.175.400
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12 (*)	7.887.000.000	-	4.022.370.000	7.887.000.000	-	7.887.000.000
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (**)	440.000.000.000	-		440.000.000.000	-	
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng (**)	20.000.000.000	-		20.000.000.000	-	
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung (**)	1.631.184.792	(1.270.350.932)		1.631.184.792	(733.079.699)	
Công ty TNHH Đầu tư VNECO (**)	20.000.000.000	-		20.000.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO (**)	1.000.000.000	-		1.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần VNECO - RME (**)	15.000.000.000	(432.580.637)		15.000.000.000	-	
Cộng	**527.443.464.792**	**(4.454.317.833)**		**527.443.464.792**	**(733.079.699)**	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2 (*)	-	-		5.854.100.000	-	8.284.715.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10 (**)	4.000.000.000	-		3.000.000.000	-	
Cộng	**4.000.000.000**	**-**		**8.854.100.000**	**-**	
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1 (*)	179.472	-	56.000	179.472	-	156.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9 (*)	916.740	-	168.300	916.740	-	782.100
Công ty CP Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM (*)	1.913.808	-	384.800	1.913.808	-	842.400
Công ty CP Sông Ba (*)	48.140	-	159.250	48.140	-	136.150
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2 (*)	750.000	-	465.000			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO (**)	30.820.000.000	(2.214.525.867)		30.820.000.000	(3.284.761.086)	
Cộng	**30.823.808.160**	**(2.214.525.867)**		**30.823.058.160**	**(3.284.761.086)**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2022	Năm 2021
Tình hình hoạt động của các Công ty con trong năm:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Hoạt động kinh doanh có lãi	Công ty trong giai đoạn đầu tư
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty trong giai đoạn đầu tư	Công ty trong giai đoạn đầu tư
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi

	Năm 2022	Năm 2021
Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết trong năm:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2		Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và công ty con, công ty liên kết trong năm được trình bày tại Mục 8.

(*) Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ

(**) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO	-	56.368.465.234
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	94.367.645.206	194.080.301.493
Công ty CP Thương Mại REENIZE	190.571.078.607	152.680.483.190
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	-	2.106.329.616
Công ty CP giải pháp năng lượng Minh Thông	25.150.379.392	25.150.379.392
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	64.044.215.736	41.910.101.917
Các khách hàng khác	249.678.949.083	166.756.251.054
Cộng	**623.812.268.024**	**639.052.311.896**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	96.193.268.735	196.058.337.978
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	863.566.898	1.361.168.734
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	987.626.099	1.556.712.948
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.466.812.264	2.225.647.109
Cộng	**3.318.005.261**	**5.143.528.791**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	3.318.005.261	5.143.528.791

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty cổ phần VNECO-RME	44.359.369.038	-
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thương Mại Xây Lắp Điện 4	-	47.724.251.042
Công ty TNHH Thiết Bị và Công Nghệ TCA Việt Nam	-	77.577.060.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty Cổ phần Thương Mại REENIZE	50.427.150.000	-
Các nhà cung cấp khác	62.558.103.736	57.862.876.036
Cộng	**182.837.645.501**	**208.657.209.805**
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	48.157.497.346	4.081.475.468

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu về cho vay

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Hà Nhật Minh	100.000.000	-
Công ty cổ phần VNECO-RME	8.450.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	1.700.000.000	-
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	119.190.000.000	92.486.000.000
Công ty Cổ phần Malblue	1.212.032.740	1.460.732.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.000.000.000	-
Các đối tượng khác	-	11.510.627.522
Cộng	**131.652.032.740**	**105.457.360.262**
Trong đó: Phải thu về thu xếp vốn là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	131.552.032.740	93.946.732.740
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	1.000.000.000
Cộng	**-**	**1.000.000.000**
Trong đó: Phải thu về thu xếp vốn là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	-	1.000.000.000

Công ty thu xếp vốn ngắn hạn theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-THUANNHIENPHONG ngày 20/01/2022 và Phụ lục hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/PLHĐTXV/VNE-TNP ngày 01/07/2022 với Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong, thời hạn thu xếp vốn không quá 24 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.

+ Hợp đồng số 01/2021/HĐTXV/VNECO-MALBLUE ngày 14/09/2021 với Công ty CP Malblue, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.

+ Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-POWERCON ngày 27/01/2022 với Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng Vneco, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.

+ Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-HANHATMINH ngày 25/02/2022 với Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Hà Nhật Minh, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, phí thu xếp vốn: 7,5%/năm.

+ Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME ngày 28/03/2022 với Công ty Cổ phần VNECO-RME, thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng, không có phí thu xếp vốn

+ Hợp đồng số 03/2018/HĐTXV ngày 23/11/2018 với Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3, thời hạn thu xếp vốn: 5 năm, lãi suất thu xếp vốn: 10%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	36.757.710.696	-	21.355.545.777	-
Công ty TNHH TM Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	11.490.000.000	11.490.000.000	11.490.000.000
Công ty CP Thương Mại REENIZE (*)	61.579.748.640	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn, lãi thu xếp vốn	17.814.573.701	-	5.509.990.847	-
Lãi dự thu trái phiếu BIDV	656.220.054	-	629.409.929	-
Cầm cố, ký quỹ	574.608.403	-	1.748.719.336	-
Phải thu khác	8.126.359.419	-	1.760.658.090	-
Cộng	**136.999.220.913**	**11.490.000.000**	**42.494.323.979**	**11.490.000.000**
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	22.692.482.046	-	4.847.761.083	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	30.000.000	-	-	-
Cộng	**30.000.000**	**-**	**-**	**-**

(*) Công ty CP Thương Mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Điện Hồi Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Số dư đã thực hiện, nghiệm thu, xuất hoá đơn và ghi nhận nợ phải thu với Công ty CP Đầu tư Hồi Xuân là 56.368.465.234 VND, Công ty TNHH Về Nguồn là 1.122.006.268 VND, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát là 6.907.700.400 VND. Tổng Công ty đã ký hợp đồng 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đã thực hiện cho Công ty CP Thương Mại REENIZE với tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND. Đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm giá trị phải thu khách hàng với ba đối tượng trên với tổng giá trị là 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty CP Thương Mại REENIZE là 61.579.748.640 VND và ghi giảm khoản nợ dự phòng còn lại đã trích tương ứng giá trị chuyển giao thấp hơn giá gốc là 2.818.423.262 VND. Tại ngày 17/03/2023, Công ty CP Thương Mại REENIZE đã chuyển một phần giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 VND cho Tổng Công ty.

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	11.490.000.000	-	57.018.533.464	-
Cộng	**11.490.000.000**	**-**	**57.018.533.464**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH TM Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	11.490.000.000	-	Từ 3 năm trở lên
Các đối tượng khác	-	-		45.528.533.464	-	Từ 3 năm trở lên
Cộng	**11.490.000.000**	**-**		**57.018.533.464**	**-**	

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.986.700	-	3.986.700	-
Công cụ, dụng cụ	1.530.442.700	-	1.420.812.700	-
Chi phí SX, KD dở dang	352.579.151.473	-	49.400.655.699	-
Hàng hóa	9.738.244	-	10.704.069	-
Cộng	**354.123.319.117**	**-**	**50.836.159.168**	**-**

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Tiền thuê văn phòng	-	17.000.000
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	72.394.318	58.296.962
Chi phí sửa chữa	17.122.624	87.723.180
Cộng	**89.516.942**	**163.020.142**
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.710.107.465	3.037.349.411
Chi phí sửa chữa	33.833.958	-
Cộng	**1.743.941.423**	**3.037.349.411**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	74.561.559.754	236.584.608.170	29.704.998.985	878.876.137	341.730.043.046
Mua trong năm	58.539.630	239.350.000	4.643.386.169	-	4.941.275.799
Thanh lý tài sản cố định	-	(2.142.324.923)	-	-	(2.142.324.923)
Tại ngày 31/12/2022	**74.620.099.384**	**234.681.633.247**	**34.348.385.154**	**878.876.137**	**344.528.993.922**
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	34.157.186.086	38.993.664.439	12.439.466.493	474.035.207	86.064.352.225
Khấu hao trong năm	5.702.527.637	23.232.472.344	2.550.974.991	15.425.727	31.501.400.700
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.142.324.923)	-	-	(2.142.324.923)
Tại ngày 31/12/2022	**39.859.713.723**	**60.083.811.860**	**14.990.441.484**	**489.460.934**	**115.423.428.002**
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	40.404.373.668	197.590.943.731	17.265.532.492	404.840.930	255.665.690.821
Tại ngày 31/12/2022	**34.760.385.661**	**174.597.821.387**	**19.357.943.670**	**389.415.203**	**229.105.565.920**

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 180.275.662.890 VND - Xem thêm mục 4.22.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 49.775.518.264 VND

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
Mua trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	**34.637.380.528**	**50.086.320**	**549.200.000**	**35.236.666.848**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	3.292.454.737	50.086.320	503.957.000	3.846.498.057
Khấu hao trong năm	385.313.455	-	22.612.500	407.925.955
Tại ngày 31/12/2022	**3.677.768.192**	**50.086.320**	**526.569.500**	**4.254.424.012**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	31.344.925.791	-	45.243.000	31.390.168.791
Tại ngày 31/12/2022	**30.959.612.336**	**-**	**22.630.500**	**30.982.242.836**

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64 đường Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m2, nguyên giá 19.277.284.892 đồng, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m2, nguyên giá 1.335.095.636 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ461263 ngày 11/03/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 136 m2, nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T086817 ngày 18/06/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 140 m2, nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1074673 ngày 20/07/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m2, nguyên giá 7.995.000.000, thời gian sử dụng lâu dài.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 30.982.242.836 VND – Xem thêm mục 4.22.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 508.836.320 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá:				
Nguyên giá:				
Nhà và quyền sử dụng đất	222.760.124.834	370.000.000	-	222.390.124.834
Cộng	**222.760.124.834**	**370.000.000**	**-**	**222.390.124.834**
Tổn thất do suy giảm giá trị:				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	**-**	**-**	**-**	**-**
Giá trị còn lại:				
Nhà và quyền sử dụng đất	222.760.124.834	370.000.000	-	222.390.124.834
Cộng	**222.760.124.834**	**370.000.000**	**-**	**222.390.124.834**

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 152.160.124.834 VND.

Không có bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn nắm giữ chờ tăng giá.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

4.13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (Thừa Thiên Huế)	78.922.717.234	78.426.736.782
Cộng	**78.922.717.234**	**78.426.736.782**

4.14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dự án siêu thị Greenmart - Đà Nẵng	72.416.851.673	72.202.236.525
Các dự án khác	4.431.152.336	3.718.265.001
Cộng	**76.848.004.009**	**75.920.501.526**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự án siêu thị Greenmart – Đà Nẵng hiện đang được cầm cố theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/242753/HĐBĐ giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

4.15. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Công ty TNHH GE Việt Nam	19.084.778.744	19.084.778.744	33.176.000.000	33.176.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	9.018.321.275	9.018.321.275	13.763.104.298	13.763.104.298
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thắng Lợi	110.381.337.818	110.381.337.818	19.836.274.807	19.836.274.807
Công ty TNHH Thép Thiên Long	20.899.366.645	20.899.366.645	27.900.400.000	27.900.400.000
Các đối tượng khác	237.971.432.577	237.971.432.577	183.810.620.158	183.810.620.158
Cộng	**397.355.237.059**	**397.355.237.059**	**278.486.399.263**	**278.486.399.263**
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	41.503.754.630	41.503.754.630	57.465.451.386	57.465.451.386
Dài hạn:				
Công ty TNHH Lexim	168.035.113.089	168.035.113.089	162.891.543.024	162.891.543.024
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	-	-	56.192.427.467	56.192.427.467
Cộng	**168.035.113.089**	**168.035.113.089**	**219.083.970.491**	**219.083.970.491**

4.16. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Ban QLDA lưới điện Nông thôn - TCTY ĐL miền Trung	2.950.560.871	9.128.627.345
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	13.533.187.366	7.353.605.440
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	17.958.239.155	8.364.059.206
Công ty Cổ phần Investcons	226.633.397.534	137.709.352.054
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	16.318.787.310	12.124.582.206
Các đối tượng khác	54.373.695.756	41.659.835.591
Cộng	**331.767.867.992**	**216.340.061.842**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dài hạn:		
Công ty CP Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Cộng	**8.742.072.242**	**8.742.072.242**
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	8.742.072.242	8.742.072.242

4.17. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	-	146.542.376.535	146.542.376.535	-	-
Thuế đất		-	76.005.106	76.005.106	-	-
Thuế TNCN	19.148.282	-	590.882.673	708.177.596	-	98.146.641
Thuế TNDN	-	4.251.452.587	6.211.484.538	7.747.826.339	-	5.787.794.388
Các loại thuế khác	-	-	93.327.781	93.327.781	-	-
Cộng	**19.148.282**	**4.251.452.587**	**153.514.076.633**	**155.167.713.357**	**-**	**5.885.941.029**

4.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.187.939.773	890.202.198
Trích trước chi phí công trình	23.706.372.828	97.130.944.032
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	261.246.000	2.531.864.071
Cộng	**28.328.994.697**	**102.726.446.397**

4.19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Lãi bán hàng trả chậm	431.548.252	583.961.209
Cộng	**431.548.252**	**583.961.209**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dài hạn:		
Lãi bán hàng trả chậm	386.516.492	818.064.745
Cộng	**386.516.492**	**818.064.745**

4.20. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	572.974.659	409.251.175
BHXH, BHYT, BHTN	123.225.533	4.934.327
Cổ tức phải trả	993.867.100	997.683.250
Lãi vay phải trả	1.094.993.219	-
Phải trả khác	466.082.854	2.089.080.700
Cộng	**3.251.143.365**	**3.500.949.452**

4.21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.223.374.583	1.223.374.583
Cộng	**1.223.374.583**	**1.223.374.583**

4.22. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn	818.332.251.397	818.332.251.397	1.562.966.788.086	1.218.083.163.063	473.448.626.374	473.448.626.374
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	*389.306.314.617*	*389.306.314.617*	*668.295.331.219*	*649.038.002.737*	*370.048.986.135*	*370.048.986.135*
- Chi nhánh Hải Vân						
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải	*40.792.535.692*	*40.792.535.692*	*95.853.747.312*	*57.608.404.683*	*2.547.193.063*	*2.547.193.063*
- Chi nhánh Sở Giao dịch						
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	*137.176.465.978*	*137.176.465.978*	*270.049.465.803*	*147.025.382.910*	*14.152.383.085*	*14.152.383.085*
- Chi nhánh Hà Nội						
+ Ngân hàng HD Bank	*59.756.400.000*	*59.756.400.000*	*119.779.150.425*	*131.985.152.449*	*71.962.402.024*	*71.962.402.024*
- Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh						
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hà Nội	-	-	*15.048.131.070*	*15.048.131.070*	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*128.680.926.471*	*128.680.926.471*	*257.965.012.805*	*129.284.086.334*	-	-
- Chi nhánh 4 - Thành phố Hồ Chí Minh						
+ Ông Đỗ Văn Phúc	*3.270.000.000*	*3.270.000.000*	*25.380.000.000*	*22.110.000.000*	-	-
+ Bà Trần Thị Lan Hương	-	-	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	-	-	*11.499.000.000*	*11.499.000.000*	-	-
+ Công ty TNHH XD & DV Hà Nhật Minh	-	-	*500.000.000*	*500.000.000*	-	-
+ Công ty TNHH Hoàng Phương Tùng	-	-	*1.500.000.000*	*1.500.000.000*	-	-
+ Công ty TNHH Nhật Tâm Gia	-	-	*2.500.000.000*	*2.500.000.000*	-	-
+ Công ty CP Xây dựng Vneco 10	*7.335.000.000*	*7.335.000.000*	*200.000.000*	*200.000.000*	-	-
+ Công ty CP VNECO-RME	*2.217.662.067*	*2.217.662.067*	*6.300.000.000*	*11.485.000.000*	*12.520.000.000*	*12.520.000.000*
+ Công ty CP VNECO 12	*34.782.400.322*	*34.782.400.322*	-	-	*2.217.662.067*	*2.217.662.067*
+ Công ty Vetotrade Management Limited	*2.179.537.500*	*2.179.537.500*	*71.182.403.202*	*36.400.002.880*	-	-
+ Ông Nguyễn Trọng Hùng	*2.340.633.750*	*2.340.633.750*	*2.179.537.500*	-	-	-
+ Ông Nguyễn Quang Huy	*6.650.000.000*	*6.650.000.000*	*2.340.633.750*	-	-	-
+ Bà Hà Thị Hòa Bình	*2.244.375.000*	*2.244.375.000*	*6.650.000.000*	-	-	-
+ Bà Dương Thị Bích Hảo	*1.600.000.000*	*1.600.000.000*	*2.244.375.000*	-	-	-
+ Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh			*2.500.000.000*	*900.000.000*	-	-

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Nợ dài hạn đến hạn trả	15.607.380.200	15.607.380.200	19.270.644.931	14.548.158.623	10.884.893.892	10.884.893.892
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	*15.607.380.200*	*15.607.380.200*	*19.270.644.931*	*14.548.158.623*	*10.884.893.892*	*10.884.893.892*
Cộng	**833.939.631.597**	**833.939.631.597**	**1.582.237.433.017**	**1.232.631.321.686**	**484.333.520.266**	**484.333.520.266**
Trong đó, vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	9.552.662.067	9.552.662.067	-	-	14.737.662.067	14.737.662.067

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
- Vay dài hạn:	*42.097.743.910*	42.097.743.910	*20.000.000.000*	*19.270.644.931*	41.368.388.841	41.368.388.841
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	*22.097.743.910*	*22.097.743.910*	-	*19.270.644.931*	*41.368.388.841*	*41.368.388.841*
+ Ông Lê Minh Tâm	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*	-	-	-
Cộng	**42.097.743.910**	**42.097.743.910**	**20.000.000.000**	**19.270.644.931**	**41.368.388.841**	**41.368.388.841**
Tổng cộng	**876.037.375.507**	**876.037.375.507**	**1.602.237.433.017**	**1.251.901.966.617**	**525.701.909.107**	**525.701.909.107**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Vân	Hợp đồng số 02/2020/242753/ HĐTD ngày 01/10/2020	980.000.000.000 VND	Đến 31/08/2023	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ thế chấp tài sản 01/2020/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp tài sản 07/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ cầm cố tài sản 05/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2019/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2019/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2021/242753/HĐBĐ' + HĐ thế chấp bất động sản 03/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2019/242753/HĐBĐ' + HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai 03/2020/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 04/2021/242753/HĐBĐ;
Ngân hàng TMCP Hàng Hải – CN Sở giao dịch	Hợp đồng số 2701/2023/HĐTD	200.000.000.000 VND	8 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế thấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	Hợp đồng số 4602133/2022/HDTD/VPB-VNECO ngày 05/08/2022	450.000.000.000 VND	12 tháng	7,7%/năm	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế thấp
Ngân hàng HD Bank - CN TP.HCM	Hợp đồng số 25508/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/06/2021	450.000.000.000 VND	6 tháng	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế thấp

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh	Hợp đồng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT 908-TCTVNECO	100.000.000.000 VND	Từ 31/12/2021 đến 31/12/2022	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	-Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ thế chấp tài sản 01/2022/HĐBĐ/PTGT/NHCT908-VNE; + HĐ thế chấp tài sản 02/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE;
	Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2022-HDCVTL/NHCT908-TCT VNECO	40.000.000.000 VND	10 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2022-HDCVTL/NHCT908-TCT VNECO	40.000.000.000 VND	10 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Không có tài sản thế chấp
Công ty CP Xây dựng điện Vneco 12	Hợp đồng số 01/2021/HĐTXV/VNECO12-VNECO và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 06/04/2022, Phụ lục số 02 ngày 06/10/2022	2.217.662.067 VND	6 tháng	Phí thu xếp vốn: 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
Công ty CP VNECO-RME	Hợp đồng số 03/2021/HĐTXV/RME-VNECO	17.000.000.000 VND	6 tháng	Phí thu xếp vốn: 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME	6.300.000.000 VND	12 tháng	Không tính phí thu xếp vốn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
Công ty Vetotrade Management Limited	Hợp đồng vay số VNECO.07.2022 ngày 22/11/2022	250.000 USD	Từ 22/11/2022 đến 15/01/2023	13%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng vay số VNECO.08.2022 ngày 05/12/2022	261.077,28 USD	Từ 05/122022 đến 17/01/2023	13,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng vay số VNECO.09.2022 ngày 09/12/2022	268.539,19 USD	Từ 09/12/2022 đến 21/01/2023	14%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng vay số VNECO.10.2022 ngày 09/12/2022	284.626,8 USD	Từ 09/12/2022 đến 23/01/2023	14%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng vay số VNECO.11.2022 ngày 09/12/2022	218.619,82 USD	Từ 09/12/2022 đến 24/01/2023	14%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
	Hợp đồng vay số VNECO.12.2022 ngày 12/12/2022	218.619,82 USD	Từ 12/12/2022 đến 06/02/2023	14%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế chấp
Ông Nguyễn Trọng Hùng	Hợp đồng thu xếp vốn số 1086/2022/HĐTXV/VNECO-MT ngày 06/06/2022	2.179.537.300 VND	18 tháng	Phí thu xếp vốn: 12%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế thấp
Ông Nguyễn Quang Huy	Hợp đồng thu xếp vốn số 1092/2022/HĐTXV/VNECO-MT ngày 17/06/2022	2.340.633.750 VND	18 tháng	Phí thu xếp vốn: 12%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế thấp
Bà Dương Thị Bích Hảo	Hợp đồng thu xếp vốn số 1089/2022/HĐTXV/VNECO-MT ngày 10/06/2022	2.244.375.000 VND	18 tháng	Phí thu xếp vốn: 12%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế thấp
Bà Hà Thị Hòa Bình	Hợp đồng thu xếp vốn số 1095/2022/HĐTXV/VNECO-MT ngày 19/08/2022	6.650.000.000 VND	18 tháng	Phí thu xếp vốn: 12%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	-Không có tài sản thế thấp

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Vân	Hợp đồng số 04/2020/24275 3/HĐTD ngày 07/12/2020	19.700.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư dự án "Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất"	- Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ thế chấp tài sản 01/2020/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp tài sản 07/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ cầm cố tài sản 05/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2019/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2019/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2021/242753/HĐBĐ' + HĐ thế chấp bất động sản 03/2021/242753/HĐBĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2019/242753/HĐBĐ' + HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai 03/2020/242753/HĐBĐ + HĐ thế chấp bất động sản 04/2021/242753/HĐBĐ.
	05/2020/24275 3/HĐTD ngày 19/10/2020	5.500.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư trụ sở văn phòng công ty VNECO Miền Trung	
	Hợp đồng số 03/2020/24275 3/HĐTD ngày 16/10/2020	4.800.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư mua xe ô tô BMW phục vụ điều hành	
	Hợp đồng số 01/2021/24275 3/HĐTD ngày 23/03/2021	175.000.000.000 VND	48 tháng	8,5%/năm	Đầu tư hệ thống lắp đặt tubin điện gió	
Ông Lê Minh Tâm	Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTX V/VNEC-LEMINHTAM ngày 20/01/2022	20.000.000.000 VND	24 tháng	Không tính phí thu xếp vốn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	- Không có tài sản thế thấp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.23. Vốn chủ sở hữu

4.23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	128.675.858.658	966.934.812.731
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	44.330.348.079	44.330.348.079
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(791.023.309)	(791.023.309)
Số dư tại ngày 01/01/2022	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	172.215.183.428	1.010.474.137.501
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	6.443.852.759	6.443.852.759
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.216.517.404)	(2.216.517.404)
Tại ngày 31/12/2022	**904.329.530.000**	**2.522.600.000**	**6.340.505.143**	**(86.919.236.536)**	**11.985.555.466**	**176.442.518.783**	**1.014.701.472.856**

(*) Tổng Công ty phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022.

4.23.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Các cổ đông	819.340.330.000	819.340.330.000
Cổ phiếu quỹ	84.989.200.000	84.989.200.000
Cộng	**904.329.530.000**	**904.329.530.000**

4.23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp đầu năm	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	**904.329.530.000**	**904.329.530.000**

4.23.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	*90.432.953*	*90.432.953*
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8.498.920	8.498.920
Cổ phiếu phổ thông	*8.498.920*	*8.498.920*
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	81.934.033
Cổ phiếu phổ thông	*81.934.033*	*81.934.033*
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.23.5.Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2022	11.985.555.466	6.340.505.143
Trích trong năm	-	-
Chi trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2022	**11.985.555.466**	**6.340.505.143**

4.24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2022 USD	Tại ngày 01/01/2022 USD
Ngoại tệ các loại		
USD	87,03	3.900,09

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Ông Lâm Phúc Lâm và bà Lã Thị Thúy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH TM Xây dựng Phúc Vân Hà	32.027.715.546	32.027.715.546
Các đối tượng khác	8.890.162.851	8.890.162.851

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.997.052.434	735.685.125
Doanh thu kinh doanh bất động sản	769.598.174	7.641.764.549
Doanh thu hợp đồng xây dựng	500.171.312.659	1.217.327.308.872
Doanh thu hoạt động thương mại	737.477.042.146	577.841.284.878
Cộng	**1.260.415.005.413**	**1.803.546.043.424**
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.447.895.172	681.012.523.183

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	39.605.231.341	5.266.718.775
Giá vốn kinh doanh bất động sản	694.329.029	6.500.684.723
Giá vốn hợp đồng xây dựng	436.979.297.732	1.112.867.732.061
Giá vốn hoạt động thương mại	734.723.890.801	574.919.133.492
Cộng	**1.212.002.748.903**	**1.699.554.269.051**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	18.002.733.343	5.196.694.568
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	475.359.500
Chênh lệch tỷ giá đánh giá trong thanh toán	14.612.491	-
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.465.673.962
Lợi nhuận từ đầu tư cổ phiếu	1.955.150.000	-
Cộng	**19.972.495.834**	**7.137.728.030**

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	49.698.838.547	27.949.605.359
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	3.721.238.134	347.533.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.776.093.310	486.660
Chênh lệch tỷ giá đánh giá trong thanh toán	1.781.697.847	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.070.235.219)	(6.057.124.990)
Chi phí tài chính khác	681.512.640	-
Cộng	**59.589.145.259**	**22.240.500.547**

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.621.917.394	19.383.309.485
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.352.679.463	809.286.824
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.187.706.768	4.929.079.778
Thuế, phí, lệ phí	91.780.106	1.838.583.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718.415.526	820.328.126
Chi phí bằng tiền khác	7.905.629.707	6.274.609.291
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	10.839.931.770	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(53.550.041.973)	-
Cộng	**(5.831.981.239)**	**34.055.197.454**

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập thanh lý thiết bị	100.000.000	-
Thu nhập từ cho thuê	83.333.334	236.300.000
Các khoản khác	159.156.115	276.381.434
Cộng	**342.489.449**	**512.681.434**
Trong đó, thu nhập khác đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	83.333.334	167.042.000

5.7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí chậm nộp BHXH, thuế	2.279.740.467	7.466.499
Phạt vi phạm hợp đồng	-	370.191.781
Các khoản khác	35.000.009	212.807.303
Cộng	**2.314.740.476**	**590.465.583**

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.655.337.297	54.756.020.253
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	12.757.891.625	1.378.458.999
Cộng:	12.757.891.625	1.853.811.499
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	*1.516.607.000*	*1.146.000.000*
- Chậm nộp BHXH và thuế	*2.314.740.476*	*7.466.499*
- Chi phí khấu hao xe ô tô vượt khung quy định	*700.345.000*	*700.345.000*
- Chi phí lãi vay không được trừ	*8.226.199.149*	-
Trừ:	-	475.352.500
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	*475.352.500*
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	*6.307.018.694*
Tổng thu nhập tính thuế	25.413.228.922	49.827.460.558
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	*25.337.959.777*	*48.686.380.732*
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	*75.269.145*	*1.141.079.826*
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.211.484.538	10.380.301.596
- Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	*5.067.591.955*	*9.737.276.146*
- Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS	*15.053.829*	*228.215.965*
- Thuế TNDN tạm nộp của hoạt động kinh doanh BĐS	-	*21.029.728*
- Hoàn nhập thuế TNDN tạm nộp 1% của hoạt động BĐS	-	(66.400.306)
- Nộp bổ sung thuế theo Công văn số 517/TB-CT	-	460.180.062
- Thuế TNDN bị truy thu	1.128.838.754	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**6.211.484.538**	**10.380.301.596**

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	281.514.252.439	143.446.298.164
Chi phí nhân công	27.985.573.988	28.012.565.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.909.326.655	24.669.079.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.867.979.647	899.681.212.798
Chi phí khác bằng tiền	32.524.421.113	13.763.204.599
Cộng	**817.801.553.842**	**1.109.572.361.030**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.582.966.788.086	1.097.604.292.992
Cộng	**1.582.966.788.086**	**1.097.604.292.992**

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.232.263.840.718	907.337.833.158
Cộng	**1.232.263.840.718**	**907.337.833.158**

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau: Hoạt động xây lắp, hoạt động bất động sản, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động thương mại:

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thương mại VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.217.327.308.872	7.641.764.549	735.685.125	577.841.284.878	1.803.546.043.424
Giá vốn của bộ phận	1.112.867.732.061	6.500.684.723	5.266.718.775	574.919.133.492	1.699.554.269.051
Chi phí khác	22.986.006.939	144.294.514	13.891.468	10.911.004.532	34.055.197.454
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	81.473.569.872	996.785.312	(4.544.925.118)		69.936.576.919
Doanh thu, chi phí không phân bổ					
+ Doanh thu tài chính					7.137.728.030
+ Chi phí tài chính					22.240.500.547
+ Thu nhập khác					512.681.434
+ Chi phí khác					590.465.583
Lợi nhuận trước thuế					54.756.020.253
Thuế TNDN hiện hành					10.380.301.596
Thuế TNDN hoãn lại					45.370.578
Lợi nhuận sau thuế					**44.330.348.079**

Các thông tin khác	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thương mại VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	1.606.376.526.928	10.084.018.576	970.804.900	762.515.282.088	2.379.946.632.492
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	**1.606.376.526.928**	**10.084.018.576**	**970.804.900**	**762.515.282.088**	**2.379.946.632.492**
Nợ phải trả của bộ phận	924.343.613.505	5.802.561.238	558.622.025	438.767.698.222	1.369.472.494.991
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	**924.343.613.505**	**5.802.561.238**	**558.622.025**	**438.767.698.222**	**1.369.472.494.991**
Chi phí khấu hao bộ phận	16.650.722.481	104.524.806	10.062.773	7.903.769.843	24.669.079.903
Chi phí mua sắm tài sản	155.582.749.394	976.669.734	94.025.587	73.852 065.225	230.505.509.940

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thương mại VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	500.171.312.659	769.598.174	21.997.052.434	737.477.042.146	1.260.415.005.413
Giá vốn của bộ phận	436.979.297.732	694.329.029	39.605.231.341	734.723.890.801	1.212.002.748.903
Chi phí khác	(2.314.308.937)	(3.560.956)	(101.781.077)	(3.412.330.269)	(5.831.981.239)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	65.506.323.865	78.830.101	(17.506.397.830)	6.165.481.614	54.244.237.749
Doanh thu, chi phí không phân bổ					
+ Doanh thu tài chính					19.972.495.834
+ Chi phí tài chính					59.589.145.259
+ Thu nhập khác					342.489.449
+ Chi phí khác					2.314.740.476
Lợi nhuận trước thuế					12.655.337.297
Thuế TNDN hiện hành					6.211.484.538
Thuế TNDN hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế					**6.443.852.759**

Các thông tin khác	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thương mại VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	1.127.562.443.288	1.734.945.559	49.589.109.891	1.662.533.205.054	2.841.419.703.791
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	**1.127.562.443.288**	**1.734.945.559**	**49.589.109.891**	**1.662.533.205.054**	**2.841.419.703.791**
Nợ phải trả bộ phận	724.897.792.791	1.115.377.879	31.880.306.514	1.068.824.753.751	1.826.718.230.935
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	**1.127.562.443.288**	**1.734.945.559**	**49.589.109.891**	**1.068.824.753.751**	**1.826.718.230.935**
Chi phí khấu hao bộ phận	12.662.599.009	19.483.551	556.888.904	18.670.355.190	31.909.326.655
Chi phí mua sắm tài sản	2.107.677.056	3.243.018	92.693.606	3.107.662.119	5.311.275.799

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
4. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
5. Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
6. Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con
7. Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con
8. Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con
9. Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con
10. Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con
11. Công ty CP Năng lượng VNECO	Công ty con
12. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
13. Công ty CP Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt
14. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	497.601.835	541.561.051
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	569.086.850	619.361.206
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	94.367.645.206	194.080.301.493
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	758.934.844	817.114.228
Cộng - Xem thêm mục 4.3	**96.193.268.735**	**196.058.337.978**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng dài hạn:		
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	863.566.898	1.361.168.734
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	987.626.099	1.556.712.948
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.466.812.264	2.225.647.109
Cộng - Xem thêm mục 4.3	**3.318.005.261**	**5.143.528.791**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	-	3.891.145.625
Công ty Cổ phần VNECO - RME	44.359.369.038	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	2.204.966.712	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	190.329.843
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	1.593.161.596	-
Cộng - Xem thêm mục 4.4	**48.157.497.346**	**4.081.475.468**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu về thu xếp vốn có tính lãi ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần VNECO - RME	8.450.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	1.700.000.000	-
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	119.190.000.000	92.486.000.000
Công ty Cổ phần Malblue	1.212.032.740	1.460.732.740,00
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.000.000.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.5	**131.552.032.740**	**93.946.732.740**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu về thu xếp vốn có tính lãi dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	1.000.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	**-**	**1.000.000.000**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khác:		
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	18.036.525.250	2.458.093.715
Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	433.433.964	433.433.964
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.222.297.781	613.432.267
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	938.636.084	452.528.916.00
Công ty Cổ phần VNECO-RME	192.819.491	82.200.000.00
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	671.561.052	329.619.966.00
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	1.110.539.925	472.731.707.00
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	82.147.951	1.200.000.00
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	4.520.548	4.520.548.00
Cộng - Xem thêm mục 4.6	**22.692.482.046**	**4.847.761.083**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	862.523.780	8.272.031.015
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	11.444.224.257	7.057.190.444
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	10.081.746.745
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	18.485.865.767	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	4.076.690.704	2.799.962.669
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	13.763.104.298
Công ty cổ phần VNECO-RME	-	14.220.279.275
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.745.249.621	1.271.136.940
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	2.889.200.501	-
Cộng - Xem thêm mục 4.15	**41.503.754.630**	**57.465.451.386**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Cộng - Xem thêm mục 4.16	**8.742.072.242**	**8.742.072.242**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vay và nợ thuê tài chính:		
Công ty Cổ phần VNECO-RME	7.335.000.000	12.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	2.217.662.067	2.217.662.067
Cộng - Xem thêm mục 4.22	**9.552.662.067**	**14.737.662.067**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	66.144.119
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	1.801.415.477
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	9.429.837.969	48.195.066
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	2.102.681.784
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	28.604.000.000	92.486.000.000
Công ty Cổ phần Malblue	-	9.700.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	2.016.438.356
Công ty Cổ phần VNECO-RME	16.850.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	4.700.000.000	-
Cộng	**59.583.837.969**	**108.220.874.802**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu hồi thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	-	100.029.395
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	4.662.795.169
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	-	1.388.326.916
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	2.102.681.784
Công ty Cổ phần Malblue	248.700.000	8.239.267.260
Công ty Cổ phần VNECO-RME	8.400.000.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	2.016.438.356
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	1.900.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	3.000.000.000	-
Cộng	**13.548.700.000**	**18.509.538.880**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Đi vay:		
Công ty CP VNECO - RME	6.300.000.000	18.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	-	2.217.662.067
Công ty CP Malblue	-	27.900.000.000
Cộng	**6.300.000.000**	**48.917.662.067**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Trả nợ vay:		
Công ty CP VNECO - RME	11.485.000.000	6.280.000.000
Công ty CP Malblue	-	27.900.000.000
Cộng	**11.485.000.000**	**34.180.000.000**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng :		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	86.900.000	33.150.000
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	-	677.248.510.177
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	1.061.661.997	-
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	3.730.863.006
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	196.907.720	-
Công ty Cổ phần VNECO - RME	102.425.455	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1	**1.447.895.172**	**681.012.523.183**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua khối lượng xây lắp, vật tư, TSCĐ:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	20.207.473.332	6.257.411.116
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	19.804.261.760	14.816.787.115
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	10.127.476.019	21.350.333.191
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	54.889.116.941	35.298.628.965
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	17.761.485.624
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	20.605.397.614	54.773.505.219
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	10.875.084.027	9.260.090.234
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.220.661.587	13.414.554.329
Công ty Cổ phần VNECO - RME	36.157.210.646	96.299.558.366
Cộng	**175.886.681.926**	**269.232.354.159**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác:		
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 12	-	30.000.000
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	27.777.778	30.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	27.777.778	62.042.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	27.777.778	45.000.000
Cộng - Xem thêm mục 5.6	**83.333.334**	**167.042.000**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi từ hợp đồng thu xếp vốn và lãi trả chậm:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	259.306.996	292.885.381
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	170.318.562
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	182.192.889	295.355.524
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	80.947.951	177.395.560
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	16.438.356
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	12.791.643.904	2.379.731.507,00
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	250.007.138	238.525.119,00
Cộng	**13.564.098.878**	**3.570.650.009**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Đầu tư vốn:		
Công ty Cổ phần VNECO - RME	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	-	58.200.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	-	17.500.000.000
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	-	1.231.184.792
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	1.000.000.000	-

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	725.500.000	652.500.000
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó chủ tịch HĐQT	346.857.000	116.500.000
Ông Trần Quang Cần	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 23/02/2023)	84.000.000	84.000.000
Ông Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT	84.000.000	116.500.000
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	89.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng Ban kiểm soát	286.250.000	336.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	53.000.000	75.500.000
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	16.000.000	53.500.000
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	32.000.000	-

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/02/2023)	712.119.381	712.459.944
Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2023)	484.912.000	547.454.949
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	484.912.000	529.435.407
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	484.760.000	533.300.230
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	480.115.000	538.692.021

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện tại Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

10. CAM KẾT GÓP VỐN

Tại ngày 31/12/2022, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào công ty con như sau:

	Cam kết góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp VND	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty %	Số vốn của Tổng Công ty đã góp đến ngày 31/12/2022 VND	Số vốn Tổng Công ty còn phải góp tại ngày 31/12/2022 VND
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	12.000.000.000	100%	1.631.184.792	10.368.815.208
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	200.000.000.000	100%	20.000.000.000	180.000.000.000
Công ty CP Năng lượng VNECO	51.000.000.000	51%	-	51.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	50.000.000.000	100%	20.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	100.000.000.000	100%	1.000.000.000	99.000.000.000
Công ty Cổ phần VNECO - RME	25.500.000.000	51%	15.000.000.000	10.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ/VNECO - ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 904.329.530.000 đồng lên 1.404.329.530.000 đồng. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

   Do các lý do khách quan và chưa được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty chưa thực hiện triển khai tăng vốn điều lệ từ 904.329.530.000 đồng lên 1.404.329.530.000 đồng.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ/VNECO - ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 đã thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Số lượng phát hành: 4.096.701 cổ phiếu; Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 40.967.010.000 đồng.

   Do các lý do khách quan và chưa được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty chưa thực hiện triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyễn Anh Tuấn	**Phạm Đỗ Minh Triết**	**Phạm Đỗ Minh Triết**
Chủ tịch Hội đồng quản trị	**Kế toán trưởng**	**Người lập**
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 04 năm 2023		

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ban hành 02 Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp.

Báo cáo tài chính Tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam, đã được công bố trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Tổng Công ty theo địa chỉ:

https://vneco.vn/wp-content/uploads/2023/04/VNE_BCTC_TONGHOP_N2022_AFA-KIT_BAN-DEP.pdf

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

VNECO

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0400101450 - C.T.C
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

NGUYỄN ANH TUẤN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO
Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: (+84) 236 356 2361
Fax: (+84) 2361 356 2367
Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION
Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City
Telephone: (+84) 236 356 2361 Fax: (+84) 236 356 2367 Website: www.vneco.com.vn